



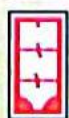
Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 6

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM

(Thơ)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs. Ts PHÙNG HỮU PHÚ (*Chủ tịch*)

Nhà thơ HỮU THÌNH (*Phó chủ tịch*)

Ts. NGUYỄN THẾ KỶ (*Phó chủ tịch*)

Cử nhân HOÀNG THANH KHIẾT

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Pgs. Ts NGUYỄN HỮU THỨC

Pgs. Ts TRẦN MINH TRƯỜNG

Pgs. Ts PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

BAN THƯ KÝ

DƯƠNG QUỐC HÙNG (*Trưởng ban*)

TRẦN QUANG QUÝ (*Phó Trưởng ban Thường trực*)

NGÔ MINH (*Phó Trưởng ban*)

LÊ THỊ BÍCH HỒNG (*Ủy viên*)

MAI LIỄU (*Ủy viên*)

HÀ ĐÌNH CÂN (*Ủy viên*)

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THÌNH (*Chủ biên*)

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.

Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong di sản văn hóa đặc sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, thì thơ ca của Người chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Bác Hồ vừa là nhà văn hóa lỗi lạc, vừa là nhà văn xuất chúng, vừa là nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Chỉ riêng tập *“Nhật ký trong tù”* viết bằng chữ Hán đã tự nó nói lên tầm vóc của một tâm hồn lớn, một tâm hồn tài hoa của một thi sĩ giàu lòng yêu nước thương nòi, nhưng cốt cách thì luôn ung dung tự tại, tin vào ngày mai tươi sáng, tin vào con đường mà mình đã chọn, dấu hiện tại bản thân lâm cảnh lao tù. Bác Hồ làm thơ, viết văn ngoài tư chất bẩm sinh là một nghệ sĩ tài hoa, còn trüu nặng tư chất của một nhà cách mạng quyết liệt, một vị lãnh tụ xuất chúng trước bối cảnh đất nước bị họa ngoại xâm, nhân dân phải sống trong lầm than, u tối. Tập thơ *“Nhật ký trong tù”* mà chúng tôi trân trọng đưa lên đầu sách kể cả nguyên văn bản chữ Hán vào trong ấn phẩm này, vì đây là một phần di sản văn hóa độc đáo vô cùng quan trọng của Người...

Phần *“Những bài thơ khác”* là toàn bộ những bài thơ Bác làm khi tức cảnh trên đường công tác, lúc phục vụ cho công tác tuyên truyền chính trị hay khuyên nhủ, khen ngợi, khuyến khích các giới đồng bào, dạy bảo các cháu thiếu niên nhi đồng, tạo nên phong cách thơ rất riêng, vừa gần gũi với nhân dân, vừa thổ lộ được tình cảm cao cả của Người và vừa giúp cho các tầng lớp nhân dân tiếp thu được, thấm nhuần được một cách sâu sắc đường lối chính sách của Đảng của Bác trong từng thời điểm Cách Mạng. Có thể nói, những bài thơ này là sự kết hợp tài tình giữa thi và ca, giữa cách suy nghĩ giàu hình tượng ví von giàu liên tưởng, lối tư duy bình dân của người Việt, giản dị, sáng rõ nhưng lại vẫn bảo đảm chặt chẽ về niêm luật của thi ca đương thời.

Phần “*Thơ chúc Tết*” của Bác là một nét rất Việt Nam. Rất Hồ Chí Minh. Thơ chúc Tết là một phong tục tập quán sang trọng và tao nhã đã có hàng ngàn năm của dân tộc ta. Cứ mỗi độ Xuân về, Tết đến, người Việt Nam từ già trẻ gái trai, từ người giàu, người nghèo, từ các nhà trí thức đến các bác nông phu, ai ai cũng háo hức mong đợi được người thân chúc tụng, tặng quà, tặng đôi câu đối, vài bức tranh Tết, dăm câu thơ Xuân, ấy là niềm hân hoan đón chờ những gì tốt đẹp nhất mà thiên nhiên và cuộc đời trao tặng. Thơ chúc Tết của Bác, ngoài ý nghĩa thiêng liêng kể trên, người dân Việt Nam còn đón đợi ở những bài thơ ấy những tín hiệu tinh tế của cái mới, cảm nhận được cả tinh thần trách nhiệm chung lẫn nhiệm vụ trước mắt của Cách Mạng. Thơ chúc Tết của Bác vừa có tính tổng kết thắng lợi, vừa có tính khích lệ động viên đồng bào chiến sĩ cả nước vượt qua mọi khó khăn để đi đến thành công chung của mục tiêu cách mạng là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhân dịp xuất bản bộ sách “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ – Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn và nhóm biên soạn bộ sách xin ngỏ lời tri ân đối với các bậc tiền bối, các nhà túc nho cao khiết, các học giả xa gần, bằng tình cảm thiêng liêng của mình đối với vị lãnh tụ kính yêu, nhà thơ lớn Hồ Chí Minh, đã dành bao tâm huyết và tài năng dịch nghĩa và dịch thơ của Người để cho đông đảo bạn đọc các thế hệ trong cả nước và cả bạn đọc nhiều nước trên thế giới cùng thưởng ngoạn.

Chúng tôi cũng xin tỏ lòng trân trọng cảm ơn các vị cách mạng tiền bối, các nhà Hồ Chí Minh học, các bạn đồng nghiệp gần xa đã góp ý cho chúng tôi trong quá trình biên soạn và thực hiện bộ sách này.

Dù đã rất cầu thị và cố gắng, nhưng vì năng lực có hạn, không thể tránh khỏi những sai sót. Chúng tôi tha thiết mong nhận được những góp ý chân tình của quý vị để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng cảm tạ.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”
mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

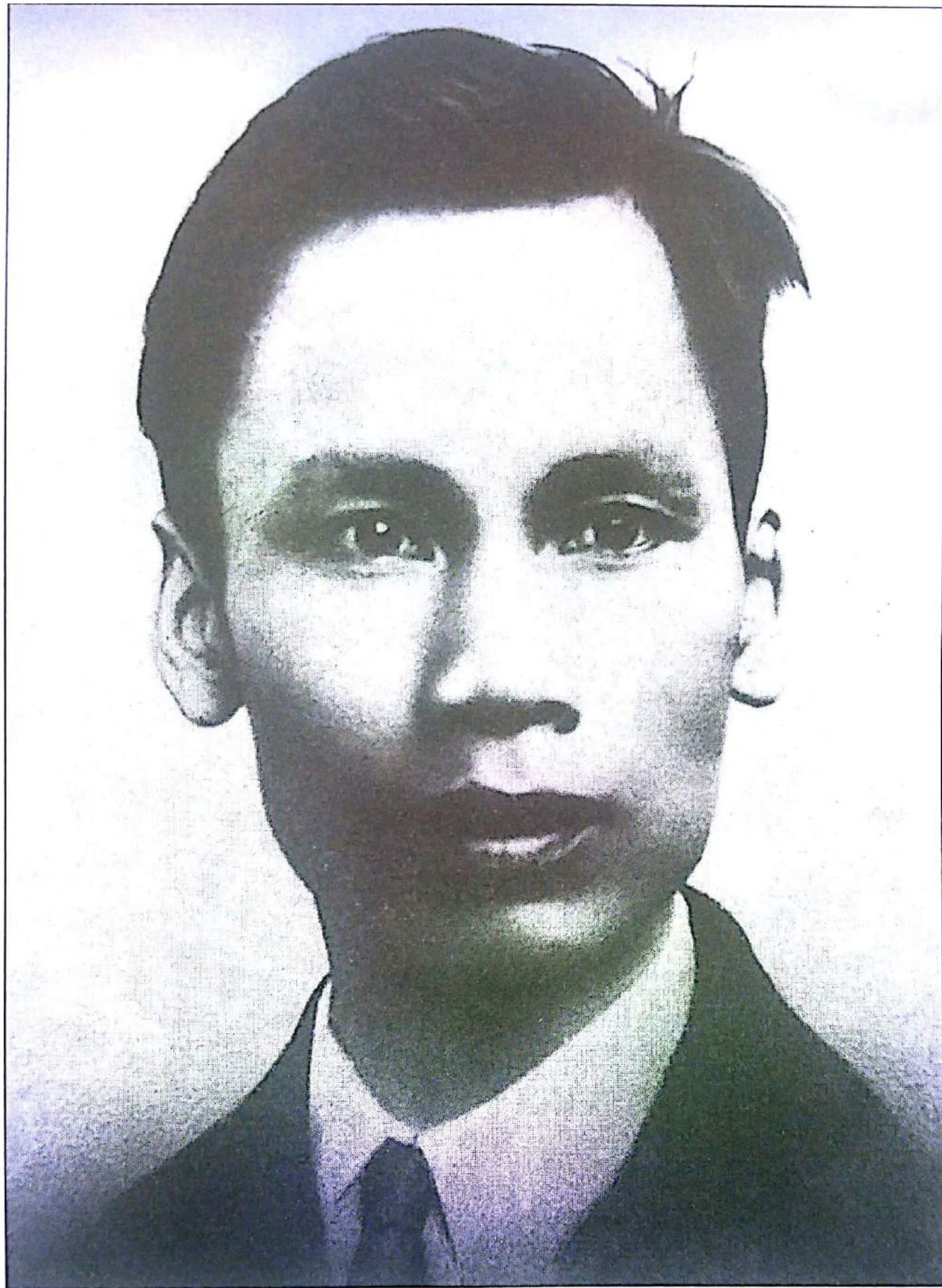
Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thịnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1924

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Phần I

NHẬT KÝ TRONG TÙ¹

Viết bằng chữ Hán năm 1942 - 1943
Bản dịch của Viện Văn học.
In trong sách
Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù,
Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1993.

Theo bài in trong sách:
Suy nghĩ mới về
Nhật ký trong tù.

身 体 在 狱 中
精 神 在 狱 外
欲 成 大 事 業
精 神 更 要 大

Phiên âm

*Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại*.*

* Trong nguyên bản, bốn câu thơ này không có đầu đề, chép ở ngoài bìa tập *Ngục trung nhật ký* cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được tác giả coi như một lời đề từ cho toàn tập.

Dịch nghĩa

Thân thể ở trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Dịch thơ

**Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.**

NAM TRÂN *dịch*

開 卷 (2)

老 夫 原 不 愛 吟 詩
因 爲 囚 中 無 所 爲
聊 借 吟 詩 消 永 日
且 吟 且 待 自 由 時

Phiên âm

KHAI QUYỀN

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả đãi tự do thì.*

Dịch nghĩa

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Già này vốn không thích ngâm thơ,
Nhân vì trong ngục không có gì làm;
Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Dịch thơ

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

**Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.**

NAM TRẦN *dịch*

在足榮街被扣留 (3)

足榮却使余蒙辱
故意遲延我去程
間諜嫌疑空捏造
把人名譽白犧牲

Phiên âm

TẠI TÚC VINH NHAI BỊ KHẨU LƯU

*Túc Vinh khước sử dư mông nhục,
Cố ý trì diên ngã khứ trình;
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo,
Bả nhân danh dự bạch hy sinh.*

Dịch nghĩa

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH^{*}

Phố tên Thúc Vinh mà khiến ta mang nhục^{**},
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta;
Bày đặt ra trò tình nghi gián điệp,
Không dung làm mất danh dự của người.

^{*} *Túc Vinh*: Tên một phố ở thị trấn huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tác giả bị bắt ở đây ngày 29-8-1942.

^{**} Trong câu thơ này tác giả có dụng ý chơi chữ: lấy *mông nhục* (mang nhục) đối lập với *túc vinh* (đủ vinh) để làm tăng ý nghĩa mỉa mai hài hước của bài thơ, gián tiếp chế giễu việc bắt người vô lý của nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch.

Dịch thơ

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH

**Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý dằng dai, chậm bước mình;
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,
Cho người vô cớ mất thanh danh.**

HUỆ CHI *dịch*

入靖西縣獄 (4)

獄中舊犯迎新犯
天上晴雲逐雨雲
晴雨浮雲飛去了
獄中留住自由人

Phiên âm

NHẬP TỈNH TÂY HUYỆN NGỤC

*Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân;
Tình, vũ, phù vân phi khứ liễu,
Ngục trung lưu trú tự do nhân.*

Dịch nghĩa

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TỈNH TÂY*

Trong ngục tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Mây tạnh, mây mưa, mây đám mây nổi bay đi hết,
Chỉ còn lại người tự do trong ngục.

Dịch thơ

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TỈNH TÂY

Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.

NAM TRÂN *dịch*

* *Tỉnh Tây*: Một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Trung Việt. Tác giả bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, quá Tỉnh Tây mấy chục kilômét, nhưng lại bị đưa trở lại Tỉnh Tây giam giữ.

世路難 (5)

走遍高山與峻岩
那知平路更難堪
高山遇虎終無恙
平路逢人却被監

二 (6)

余原代表越南民
擬到中華見要人
無奈風波平地起
送余入獄作嘉賓

三 (7)

忠誠我本無心疚
却被嫌疑做漢奸
處世原來非易易
而今處世更難難

Phiên âm

THỀ LỘ NAN

I

*Tầu biển cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cách nan kham;
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng,
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.*

II

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.*

III

*Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian;
Xử thế nguyên lai phi dị dị,
Nhi kim xử thế cách nan nan!*

Dịch nghĩa

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua;
Núi cao gặp hổ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt!

II

Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu;
Không dung đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm "khách quý" trong tù.

III

Vốn trung thực thành thật, ta không có điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

Dịch thơ

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hồ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tổng lao!

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

NAM TRẦN dịch

早 (8)

上開暗來
牆未黑前
從門還面
早門時已
每籠現却
陽著裡明
太照籠光

二 (9)

虱開飽來
獵餐個泰
爭早一必
人了吃時
人響且之
起鐘君極
早八勸否

Phiên âm

TẢO

I

*Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng,
Chiếu trước lung môn, môn vị khai;
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.*

II

*Tảo khởi nhân nhân tranh liệt sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai;
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão,
Bĩ cực chi thì tất thái lai.*

Dịch nghĩa

BUỔI SỚM

I

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,
Chiếu tới cửa nhà lao, cửa chưa mở;
Giờ đây trong lao còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã bừng lên phía trước mặt.

II

Sớm dậy, mọi người đua nhau bắt rận,
Chuông điểm tám giờ, bữa cơm sáng bắt đầu;
Khuyên anh hãy cứ ăn no,
Khổ đến tột cùng, vui ắt tới.

Dịch thơ

BUỔI SỚM

I

**Đầu tường sớm sớm vằng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vãn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bùng soi.**

NAM TRÂN *dịch*

II

**Sớm dậy, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.**

NAM TRÂN - XUÂN THUYẾT *dịch*

午 (10)

獄 中 午 睡 真 舒 服
一 睡 昏 昏 幾 句 鐘
夢 見 乘 龍 天 上 去
醒 時 才 覺 臥 籠 中

Phiên âm

NGỌ

*Ngục trung ngộ thụy chân thư phục,
Nhất thụy hôn hôn kỷ cú chung;
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thì tài giác ngộa lung trung.*

Dịch nghĩa

BUỔI TRƯA

Trong nhà lao, giấc ngủ trưa thật khoan khoái,
Một giấc say sưa suốt mấy tiếng liền;
Mơ thấy cười rông bay lên trời,
Khi tỉnh dậy, mới biết mình vẫn nằm trong ngục.

Dịch thơ

BUỔI TRƯA

**Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ;
Mơ thấy cười rông lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.**

NAM TRÂN *dịch*

問話(11)

極人罪民假真善狠罪懃間神
兩犯有良說言本狠於慫之理
的與你我你我性惡人意極公
社會官曰曰我官裝入假兩著
社法官犯官犯法假要却這立

Phiên âm

VĂN THOẠI

*Xã hội đích lương cực,
Pháp quan dữ phạm nhân;
Quan viết: nhĩ hữu tội,
Phạm viết: ngã lương dân;
Quan viết: nhĩ thuyết giả,
Phạm viết: ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngân ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giá lương cực chi gian,
Lập trước công lý thân.*

Dịch nghĩa

LỜI HỎI

Hai cực của xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan bảo: anh có tội,
Phạm nhân thưa: tôi dân lành;
Quan bảo: anh nói dối,
Phạm nhân thưa: tôi nói thật;
Quan tòa tính vốn thiện,
Lại hằm hằm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đứng.

Dịch thơ

LỜI HỎI

Hai cực trong xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan tòa: anh có tội,
Phạm thừa: tôi lương dân;
Quan rằng: anh nói dối,
Phạm thừa: thực trăm phần;
Quan tòa tính vốn thiện,
Vờ làm bộ dữ dần;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Ở giữa hai cực đó,
Công lý đứng làm thần.

HUỆ CHI - NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thời kỳ hoạt động
ở Liên Xô năm 1935

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

午後 (12)

二 點 開 籠 換 空 氣
人 人 仰 看 自 由 天
自 由 天 上 神 仙 客
知 否 籠 中 也 有 仙

Phiên âm

NGỌ HẬU

*Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên;
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên?*

Dịch nghĩa

QUÁ TRƯA

Hai giờ chiều, nhà lao mở cửa đôi không khí,
Mọi người ngẩng lên ngắm trời tự do;
Khách thần tiên trên trời tự do,
Biết chẳng trong tù cũng có tiên?

Dịch thơ

QUÁ TRƯA

Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chẳng trong ngục có người khách tiên?

NAM TRẦN *dịch*

Bản dịch khác:

Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chẳng, tiên cũng ở trong tù?

VŨ HUY ĐỘNG *dịch*

晚 (13)

晚餐吃了日西沉
處處山歌與樂音
幽暗靖西禁閉室
忽成美術小翰林

Phiên âm

VĂN

*Văn xan ngật liễu, nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dĩ nhạc âm;
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.*

Dịch nghĩa

CHIỀU HÔM

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi, rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc;
Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây,
Bỗng thành một viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ.

Dịch thơ

CHIỀU HÔM

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

NAM TRÂN *dịch*

囚糧 (14)

每餐一碗紅米飯
無鹽無菜又無湯
有人送飯吃得飽
沒人送飯喊爺娘

Phiên âm

TÙ LƯƠNG

*Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn,
Vô diêm, vô thái, hựu vô thang;
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão,
Một nhân tống phạn, hám gia nương.*

Dịch nghĩa

CƠM TÙ

Mỗi bữa một bát cơm gạo đỏ,
Không muối, không rau cũng chẳng canh;
Có người đem cơm, được ăn no,
Không người đem cơm, đói kêu cha kêu mẹ.

Dịch thơ

CƠM TÙ

**Không rau, không muối, canh không có,
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa đói kêu cha.**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

難有吹笛 (15)

獄中忽聽思鄉曲
聲轉淒涼調轉愁
千里關河無限感
聞人更上一層樓

Phiên âm

NẠN HỮU XUY ĐỊCH

*Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu;
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thương nhất tầng lâu.*

Dịch nghĩa

NGƯỜI BẠN TÙ THỜI SÁO

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn;
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Người chốn phòng khuê lại bước lên một tầng lầu.

Dịch thơ

NGƯỜI BẠN TÙ THỜI SÁO

**Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.**

NAM TRẦN *dịch*

腳閘 (16)

爭 嚙 餓 口 似 凶 神
晚 晚 張 開 把 腳 吞
各 人 被 吞 了 右 腳
只 剩 左 腳 能 屈 伸

二 (17)

世 間 更 有 離 奇 事
人 們 爭 先 上 腳 鉗
因 爲 有 鉗 才 得 睡
無 鉗 沒 處 可 安 眠

Phiên âm

CƯỚC ÁP

I

*Tranh ninh ngã khẩu tự hung thân,
Vãn vãn trương khai bả cước thôn;
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.*

II

*Thế gian cánh hữu ly kỳ sự,
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm;
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụ,
Vô kiềm một xứ khả an miên.*

Dịch nghĩa

CÁI CÙM

I

Miệng đói dữ tợn như một hung thần,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Người nào cũng bị nuốt chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật là kỳ,
Mọi người tranh nhau đến trước để cùm chân;
Vì có cùm chân mới được ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

Dịch thơ

CÁI CÙM

I

**Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Co duỗi còn chân bên trái thôi.**

II

**Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?**

NAM TRÂN *dịch*

學奕棋(18)

閉坐無聊學奕棋
千兵萬馬共驅馳
進攻退守應神速
高才疾足先得之

二(19)

眼光應大心應細
堅決時時要進攻
錯路雙車也沒用
逢時一卒可成功

三(20)

雙方勢力本平均
勝利終須屬一人
攻守運籌無陋算
才稱英勇大將軍

Phiên âm

HỌC DỊCH KỲ

I

*Bể tọa vô lưu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;
Tấn công thoái thủ ứng thần tốc,
Cao tài tất túc tiên đắc chi.*

II

*Nhãn quang ứng đại tâm ứng tế,
Kiên quyết thì thì yếu tấn công;
Thác lộ, song xa dã một dụng,
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

III

*Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vạn trù vô lậu toán,
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.*

Dịch nghĩa

HỌC ĐÁNH CỜ

I

Ngồi trong giam cầm buồn tênh, học đánh cờ,
Nghìn quân muôn ngựa cùng rong ruổi;
Tấn công, lui giữ đều phải thần tốc,
Tài cao, chân nhanh mới được nước trước.

II

Tầm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu,
Phải kiên quyết, luôn luôn tấn công;
Lạc nước, hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công.

III

Thế lực hai bên vốn ngang nhau,
Kết cục thắng lợi thuộc về một người;
Tính kế đánh hay giữ không sơ hở,
Mới xứng là bậc đại tướng anh dũng.

Dịch thơ

HỌC ĐÁNH CỜ

I

**Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.**

II

**Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.**

III

**Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

望月 (21)

獄中無酒亦無花
對此良宵奈若何
人向窗前看明月
月從窗隙看詩家

Phiên âm

VỌNG NGUYỆT

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

Dịch nghĩa

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

Dịch thơ

NGẮM TRĂNG

**Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.**

NAM TRÂN *dịch*

分水 (22)

每 人 分 得 水 半 盆
洗 面 烹 茶 各 隨 便
誰 要 洗 面 勿 烹 茶
誰 要 烹 茶 勿 洗 面

Phiên âm

PHÂN THỦY

*Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn,
Tẩy diện, phan trà các tùy tiện;
Thùy yếu tẩy diện, vật phan trà,
Thùy yếu phan trà, vật tẩy diện.*

Dịch nghĩa

CHIA NƯỚC

Mỗi người được chia nửa chậu nước,
Rửa mặt hoặc đun trà, tùy ý mình;
Ai muốn rửa mặt, đừng đun trà,
Ai muốn đun trà, thôi rửa mặt.

Dịch thơ

CHIA NƯỚC

Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.

NAM TRÂN - TRẦN ĐẮC THỌ dịch

中秋 (23)

中秋秋月圓如鏡
照耀人間白似銀
家裡團圓吃秋節
不忘獄裡吃愁人

二 (24)

獄中人也賞中秋
秋月秋風帶點愁
不得自由賞秋月
心隨秋月共悠悠

Phiên âm

TRUNG THU

I

*Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diện nhân gian bạch tỵ ngân;
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sâu nhân.*

II

*Ngục trung nhân dã thưởng trùng thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sâu;
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du!*

Dịch nghĩa

TRUNG THU

I

Trăng trung thu tròn như gương,
Chiếu rọi cõi đời, ánh trắng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn Tết Trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.

II

Người trong ngục cũng thương thức trung thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;
Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vời vợi.

Dịch thơ

TRUNG THU

I

Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn Tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.

II

Trung thu ta cũng Tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

NAM TRÂN *dịch*

賭 (25)

民 間 賭 博 被 官 拉
獄 裡 賭 博 可 公 開
被 拉 賭 犯 常 嗟 悔
何 不 先 到 這 裡 來

Phiên âm

ĐỒ

*Dân gian đồ bạc bị quan lập,
Ngục lý đồ bạc khả công khai;
Bị lập đồ phạm thường ta hối:
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?*

Dịch nghĩa

ĐÁNH BẠC

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong tù đánh bạc có thể công khai;
Con bạc bị tù thường hối tiếc:
Sao không sớm vào quách chốn này!?

Dịch thơ

ĐÁNH BẠC

**Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?**

NAM TRÂN dịch

賭犯 (26)

公家不給賭犯飯
欲令他們悔前非
硬犯餓饌天天有
窮犯饑延共淚垂

Phiên âm

ĐỒ PHẠM

*Công gia bắt cấp đồ phạm phạm,
Dục linh tha mẫn hối tiền phi;
"Ngạch" phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diện cộng lệ thùy.*

Dịch nghĩa

TÙ CỜ BẠC

Nhà nước không phát cơm cho tù cờ bạc,
Muốn cho họ hối cải lỗi trước;
Nhưng bọn tù sùng sỏ ngày nào cũng có cơm thịt,
Còn tù nghèo, đói chầy dãi cùng với nước mắt.

Dịch thơ

TÙ CỜ BẠC

**Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chừa tội cũ hơn;
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.**

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

難友莫某(27)

富家子弟貧家教
賭膽如天膽似針
車大炮才真偉大
在囚仍想吃人參

Phiên âm

NẠN HỮU MẠC MỠ

*Phú gia tử đệ, bần gia giáo,
Đổ đảm như thiên, đảm tợ châm;
"Xa đại pháo tài", chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.*

Dịch nghĩa

BẠN TÙ HỌ MẠC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục
Gan đánh bạc to như trời mà mật thì nhỏ như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác* thật là vĩ đại,
Ở tù nhưng vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

* Nguyên văn *Xa đại pháo tài*: một thành ngữ ở vùng Quảng Đông có nghĩa như "một tác đến trời".

Dịch thơ

BẠN TÙ HỌ MẠC

**Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
"Một tác lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc" bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm**

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

難友原主任L(28)

國 家 重 托 鎮 邊 陲
胡 乃 忘 公 只 顧 私
錫 礦 常 從 邊 界 去
金 錢 爐 裡 鑄 囚 詩

Phiên âm

NẠN HỮU NGUYÊN CHỦ NHIỆM L.

*Quốc gia trọng thác trấn biên thùy,
Hô nãi vong công chỉ cố tì (tư)?
Thế khoáng thường tòng biên giới khứ,
Kim tiền lô lý chú tù thi.*

Dịch nghĩa

BẠN TÙ L. NGUYỄN LÀ CHỦ NHIỆM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ biên thùỵ,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư?
Quặng "ăngtimoan" thường tuần qua biên giới,
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

Dịch thơ

BẠN TÙ L. NGUYỄN LÀ CHỦ NHIỆM

Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mãi việc tư?
Quặng thiếc tuần qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

雙十日解往天保(29)

家 家 結 繚 與 張 燈
國 慶 歡 聲 舉 國 騰
我 却 今 天 被 綁 解
逆 風 有 意 阻 飛 鵬

Phiên âm

SONG THẬP NHẬT GIẢI VÃNG THIÊN BẢO

*Gia gia kết thái dĩ trương đăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đằng;
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.*

Dịch nghĩa

TẾT SONG THẬP^{*} BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO^{**}

Nhà nào nhà ấy kết hoa và treo đèn,
Cả nước reo vui, mừng ngày quốc khánh;
Thế mà hôm nay ta bị trời giải đi,
Ngọn gió ngược cổ ý cản đôi cánh chim bằng.

Dịch thơ

TẾT SONG THẬP BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO

Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh reo vui cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.

NAM TRÂN dịch

^{*} *Song thập*: Tức ngày 10-10, Quốc khánh nước Trung Hoa Dân quốc trước đây.

^{**} Tác giả vốn bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, sau đó, bị đưa trở lại giam ở Tĩnh Tây, nay lại bị giải đến Thiên Bảo.

走路 (30)

走路才知走路難
重山之外又重山
重山登到高峰後
萬里興圖顧盼間

Phiên âm

TẦU LỘ

*Tầu lộ tài tri tàu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san đặng đèo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

Dịch nghĩa

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót vót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.

Dịch thơ

ĐI ĐƯỜNG

**Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.**

NAM TRÂN *dịch*

暮 (31)

倦 鳥 歸 林 尋 宿 樹
孤 雲 慢 慢 渡 天 空
山 村 少 女 磨 包 粟
包 粟 磨 完 爐 已 紅

Phiên âm

MỘ

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.*

Dịch nghĩa

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ

CHIỀU TỐI

**Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.**

NAM TRÂN *dịch*

夜宿龍泉(32)

白 天 雙 馬 不 停 蹄
夜 晚 嘗 嘗 五 味 雞
虱 冷 乘 機 來 夾 擊
隔 鄰 欣 聽 曉 鶯 啼

Phiên âm

DẠ TÚC LONG TUYỀN

*Bạch thiên "song mã" bất đình đề,
Dạ vãn thường thường "ngũ vị kê";
Sắt lãnh thừa cơ lai giáp kích,
Cách lân hân thính hiều oanh đề.*

Dịch nghĩa

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN*

Suốt ngày "đôi ngựa"** không ngừng vó,
Đêm đến, lại từng nếm món "gà năm vị"***;
Rệp và rét thừa cơ xông vào tập kích,
Mừng nghe xóm bên, chim oanh hót báo sáng.

Dịch thơ

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN

**"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món "gà năm vị", tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần.**

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

* *Long Tuyền*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm giữa Thiên Bảo và Diên Đông.

** *Đôi ngựa* (song mã): xe có hai ngựa kéo mà người quyền quý xưa kia thường dùng; chữ "đôi ngựa" ở đây dùng với ý hài hước để chỉ đôi chân tác giả.

*** *Gà năm vị* (ngũ vị kê): Món ăn sang, ở đây dùng với ý hài hước chỉ đôi chân bị xiềng chéo, giống như ở hiệu ăn thường treo chân gà để nấu món "gà năm vị".

田東 (33)

每餐一碗公家粥
肚子時時在嘆吁
白飯三元不夠飽
薪如桂也米如珠

Phiên âm

ĐIỀN ĐÔNG

*Mỗi xan nhất uýên công gia chúc,
Đỗ tử thì thì tại thán hu;
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,
Tân như quế dã mễ như châu.*

Dịch nghĩa

ĐIỀN ĐÔNG*

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,
Cái bụng luôn luôn than phiền;
Cơm không ba đồng chẳng đủ no,
Củ đất như quế, gạo như châu.

Dịch thơ

ĐIỀN ĐÔNG

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củ thì như quế, gạo như châu.

NAM TRÂN
HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

* *Điền Đông*: Một địa điểm trên đường bộ từ Tỉnh Tây đi Nam Ninh.

初到天保獄(34)

日行五十三公里
濕盡衣冠破盡鞋
徹夜又無安睡處
廁坑上坐待朝來

Phiên âm

SƠN ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC

*Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thất tận y quan, phá tận hài;
Triệt dạ hựu vô an thụ xứ,
Xí khanh thượng tọa đãi triều lai.*

Dịch nghĩa

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO^{*}

Ngày đi năm mươi ba cây số;
Uớt hết mũ áo, rách hết giày;
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

Dịch thơ

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO

Ngày cuốc năm mươi ba cột số,
Uớt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trần cầu tiêu, đợi sáng ngày.

KHƯƠNG HỮU DUNG - NGUYỄN SĨ LÂM dịch

* Không hiểu sao bài thơ này lại xếp sau bài *Điện Đông*, có lẽ là hồi ức về quãng đường đi từ Tỉnh Tây đến Thiên Bảo.

難友之妻探監(35)

君 在 設 窗 裡
妾 在 設 窗 前
相 近 在 咫 尺
相 隔 似 天 淵
口 不 能 說 的
只 賴 眼 傳 言
未 言 淚 已 滿
情 景 真 可 憐

Phiên âm

NẠN HỮU CHI THÊ THÁM GIAM

*Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiên;
Tương cận tại chỉ xích,
Tương cách tự thiên uyên;
Khẩu bất năng thuyết đích,
Chỉ lại nhãn truyền nghiên (ngôn);
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên!*

Dịch nghĩa

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

Chàng ở trong song sắt,
Thiếp ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang
Mà cách nhau trời vực;
Miệng không thốt lên lời,
Chuyển lời nhờ khéo mắt;
Chưa nói nước mắt tràn,
Tình cảnh thật đáng thương!

Dịch thơ

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

**Anh ở trong song sắt
Em ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng chẳng nói nên lời,
Chỉ còn nhờ khước mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Cảnh tình đáng thương thật!**

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

各報：歡迎威基大會 (36)

同 是 中 國 友
同 是 要 赴 渝
君 爲 坐 上 客
我 爲 階 下 囚
同 是 代 表 也
待 遇 胡 懸 殊
人 情 分 冷 熱
自 古 水 東 流

Phiên âm

CÁC BÁO:
HOAN NGHÊNH UY KI ĐẠI HỘI

*Đồng thị Trung Quốc hữu,
Đồng thị yếu phó Du;
Quân vi tọa thượng khách,
Ngã vi giai hạ tù;
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù?
Nhân tình phân lãnh nhiệt,
Tự cổ thủy đông lưu!*

Dịch nghĩa

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY KI*

Cùng là bạn Trung Hoa,
Cùng phải đi Trùng Khánh**;
Anh là khách ngồi trên;
Tôi là tù dưới thêm;
Cùng là đại biểu cả,
Đôi đũa sao quá khác biệt?
Thối đời thường phân âm lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông!

* *Uy Ki*: Tức Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe Đồng minh chống phát xít, đi thăm Trùng Khánh. Lúc ông đi qua Đệ tứ chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi. Bấy giờ tác giả là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trùng Khánh lại bắt giam Người.

** *Trùng Khánh*: Còn có tên là Du, một phủ thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đóng thời chống Nhật.

Dịch thơ

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY KI

Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thối thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!

NAM TRÂN *dịch*

自勉 (37)

沒有冬寒憔悴景
將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛煉
使我精神更緊張

Phiên âm

TỰ MIỄN

*Một hữu đông tàn tiêu tụy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.*

Dịch nghĩa

TỰ KHUYÊN MÌNH

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét mướt,
Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;
Tai ương rèn luyện ta,
Khiến cho tinh thần ta càng thêm hăng hái.

Dịch thơ

TỰ KHUYÊN MÌNH

**Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.**

NAM TRÂN *dịch*

野景 (38)

我 來 之 時 禾 尚 青
現 在 秋 收 半 已 成
處 處 農 民 顏 帶 笑
田 間 充 滿 唱 歌 聲

Phiên âm

DÃ CẢNH

*Ngã lai chi thì hòa thượng thanh,
Hiện tại thu thu bán di thành;
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu,
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.*

Dịch nghĩa

CẢNH ĐỒNG NỘI

Lúc ta đến lúa còn xanh,
Nay vụ gặt đã xong một nửa;
Nơi nơi nông dân mặt mày hớn hở,
Ruộng đồng tràn đầy tiếng ca hát.

Dịch thơ

CẢNH ĐỒNG NỘI

Tối đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Khi ta mới đến còn xanh lúa,
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

粥攤 (39)

路旁樹影涼陰下
一椽茅蘆是酒樓
冷粥白鹽供食譜
行人過此暫停留

Phiên âm

CHÚC THAN

*Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duệן mao lư thị "tửu lâu";
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ,
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.*

Dịch nghĩa

HÀNG CHÁO

Dưới bóng cây râm mát bên đường,
Một túp lều tranh: ấy là "tiệm rượu";
Cháo nguội và muối trắng làm thành thực đơn,
Khách đi đường qua đây tạm dừng nghỉ.

Dịch thơ

HÀNG CHÁO

Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh: "tiệm rượu" đây;
Nào món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

果德獄 (40)

監房也是小家庭
柴米油鹽自己營
每個籠前一個灶
成天煮飯與調羹

Phiên âm

QUẢ ĐỨC NGỤC

*Giám phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mễ, du, diêm tự kỷ doanh;
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo*,
Thành thiên chữ phụng dĩ điều canh.*

* Nguyên bản là *cáo*. Trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *táo*.

Dịch nghĩa

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC*

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, dầu, muối, đều tự mình lo sắm;
Trước mỗi phòng giam là một bếp,
Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

Dịch thơ

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,
Suốt ngày lụi hụi với cơm, canh.

HUỆ CHI dịch

* *Quả Đức*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, một địa điểm tiếp sau Diên Đông.

隆安劉所長 (41)

辨事認真劉所長
人人贊頌你公平
文錢粒米都公布
乾淨囚籠好衛生

Phiên âm

LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG

*Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lập mẽ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.*

Dịch nghĩa

SỞ TRƯỞNG LONG AN* HỌ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc thận trọng, đúng đắn,
Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ hợp vệ sinh.

Dịch thơ

SỞ TRƯỞNG LONG AN HỌ LƯU

**Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Long An*: Một thủ phủ thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên sông Hữu Giang. Từ Quảng Đức, tác giả bị giải chéch xuống phía nam và dọc theo sông Hữu Giang đến Nam Ninh.

早 解 (42)

一 次 雞 啼 夜 未 闌
群 星 擁 月 上 秋 山
征 人 已 在 征 途 上
迎 面 秋 風 陣 陣 寒

二 (43)

東 方 白 色 已 成 紅
幽 暗 殘 餘 早 一 空
暖 氣 包 羅 全 宇 宙
行 人 詩 興 忽 加 濃

Phiên âm

TẢO GIẢI

I

*Nhất thứ kê đề dạ vị lan,
Quần tinh ủng nguyệt thưởng thu san;
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trện trện hàn.*

II

*Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư nhất tảo không*;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nông!*

* Câu này chữa lại theo nguyên bản. Nhưng chúng tôi vẫn ngờ tác giả viết nhầm chữ *tảo* là quét thành chữ *tảo* là sớm. Và câu thơ *U ám tàn dư nhất tảo nhất không* (bóng đêm còn u ám đã bị quét sạch) như bản in năm 1960 là đúng văn pháp hơn.

Dịch nghĩa

GIẢI ĐI SỚM

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu tấp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

II

Phương đông màu trắng chuyển thành hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
Hơi ẩm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Dịch thơ

GIẢI ĐI SỚM

I

**Gà gáy một lần đêm chữa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.**

II

**Phương đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.**

NAM TRÂN *dịch*

同 正 (44)

十一月二日

同 正 正 同 平 馬 獄
每 餐 一 粥 肚 空 空
水 和 光 線 很 充 足
日 日 還 開 兩 次 籠

Phiên âm

ĐỒNG CHÍNH

(Thập nhất nguyệt nhị nhật)

*Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,
Mỗi xan nhất chúc đồ không không;
Thủy hòa quang tuyến hần sung túc,
Nhật nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.*

Dịch nghĩa

ĐỒNG CHÍNH*

(Ngày 2 tháng 11)

Nhà lao Đồng Chính giống hệt nhà lao Bình Mã**,
Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường rỗng không;
Nước và ánh sáng thì đầy đủ,
Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng giam.

Dịch thơ

ĐỒNG CHÍNH

(Ngày 2 tháng 11)

**Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,
Bữa lưng bát cháo bụng còn cào;
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Đồng Chính*: Một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường từ Long An đi Nam Ninh dọc theo sông Hữu Giang.

** *Bình Mã*: Một trấn ở Tây bộ Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, bên bờ sông Hữu Giang, là nơi đóng của Cách mệnh ủy viên hội Diên Đông. Nay là huyện lý Diên.

難 友 的 紙 被 (45)

舊 卷 新 書 相 補 綴
紙 氈 猶 煖 過 無 氈
玉 床 錦 帳 人 知 否
獄 裡 許 多 人 不 眠

Phiên âm

NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ

*Cựu quyển, tân thư tương bổ xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;
Ngọc sàng cảm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?*

Dịch nghĩa

CHIẾC CHẴN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

Quyển cũ, sách mới cùng bồi đắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;
Người trên giường ngọc trướng gấm có biết chăng,
Trong ngục bao nhiêu người không ngủ?

Dịch thơ

CHIẾC CHĂN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

**Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết?
Trong tù bao kẻ ngủ không an?**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bản dịch khác:

**Sách xưa vỡ mới khéo đem bồi,
Chăn giấy hơn không đã hẵn rồi,
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,
Trong lao không ngủ biết bao người.**

HOÀNG NGÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm trận địa trong
Chiến dịch Biên Giới 1950

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

夜 冷 (46)

秋 深 無 褥 亦 無 氈
縮 脛 弓 腰 不 可 眠
月 照 庭 蕉 增 冷 氣
窺 窗 北 斗 已 橫 天

Phiên âm

DẠ LÃNH

*Thu thâm vô nhục diệc vô chiên,
Súc hình cung yêu bất khả miên;
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,
Khuy song Bắc Đẩu dĩ hoành thiên.*

Dịch nghĩa

ĐÊM LẠNH

Đêm cuối thu không đệm cũng không chẵn,
Nằm co cẳng cong lưng vẫn không ngủ được;
Trăng soi khóm chuối trước sân càng tăng thêm khí lạnh,
Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc Đẩu đã ngang trời.

Dịch thơ

ĐÊM LẠNH

**Đêm thu không đậm cũng không chần,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Cuối thu chần đậm cũng đều không,
Co quắp nằm mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối trắng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc Đẩu hiện ngoài song.**

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

綁 (47)

脛 臂 長 龍 環 繞 著
宛 如 外 國 武 勳 官
勳 官 的 是 金 絲 綫
我 的 麻 繩 一 大 端

Phiên âm

BANG

*Hình tỳ trường long hoàn nhiều trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan;
Huân quan đích thị kim ti tuyến,
Ngã đích ma thằng nhất đại đoan.*

Dịch nghĩa

DÂY TRÓI

Rồng dài* quấn quanh cẳng chân và cánh tay,
Giống hệt dây tua quan võ nước ngoài;
Dây tua quan võ là kim tuyến,
Còn của ta là một sợi thừng gai lớn.

Dịch thơ

DÂY TRÓI

**Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, đai;
Tua đai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

* *Rồng dài*: Nguyên văn là *trường long*, tức sợi dây trói tác giả gọi một cách hài hước.

落了一隻牙 (48)

你 的 心 情 硬 且 剛
不 如 老 舌 軟 而 長
從 來 與 你 同 甘 苦
現 在 東 西 各 一 方

Phiên âm

LẠC LIỄU NHẤT CHÍCH NHA

*Nhĩ đích tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường;
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại đông tây các nhất phương.*

Dịch nghĩa

RỤNG MẮT MỘT CHIẾC RĂNG

Tính tình anh rắn rỏi và kiên cường,
Chẳng mềm và dài như lão lười;
Trước nay vẫn cùng anh chung ngọt bùi, cay đắng,
Bây giờ phải xa nhau, người một phương.

Dịch thơ

RỤNG MẮT MỘT CHIẾC RĂNG

Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lười dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

龍安一同正 (49)

此間土地廣而貧
所以人民儉且勤
聽說今春逢大旱
十分收穫兩三分

Phiên âm

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH*

*Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.*

* Bài này trong các lần in trước xếp trên bài *Đồng Chính*, lần này chuyển xuống cho đúng với nguyên bản và *Long An - Đồng Chính* là lời nhận xét của tác giả về cả hai vùng Long An và Đồng Chính, chứ không phải trên con đường từ Long An đến Đồng Chính.

Dịch nghĩa

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cằn cỗi,
Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;
Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba phần.

Dịch thơ

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

街上 (50)

街上人爭看漢奸
漢奸與我本無干
無干仍是嫌疑犯
使我心中覺點寒

Phiên âm

NHAI THUỘNG

*Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.*

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù bị tình nghi,
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian, ta vốn thực vô can;
Vô can vẫn bị nghi là có,
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.

NAM TRÂN *dịch*

路上 (51)

脛 臂 雖 然 被 緊 綁
滿 山 鳥 語 與 花 香
自 由 覽 賞 無 人 禁
賴 此 征 途 減 寂 涼

Phiên âm

LỘ THUỘNG

*Hình lý tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn điều ngữ dĩ hoa hương;
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.*

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù chân tay bị trói chặt,
Nhưng đây núi chim hót và hoa thơm;
Tự do thường ngoạn, không ai cấm được,
Nhờ thế, đường xa cũng bớt quạnh hiu.

Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chùng quạnh hiu.

NAM TRÂN dịch

徵兵家眷 (52)

郎君一去不回頭
使妾閨中獨抱愁
當局可憐余寂寞
請余來暫住牢囚

Phiên âm

TRUNG BINH GIA QUYÊN

*Lăng quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu;
Đương cục khả liên dư tịch tịch,
Thỉnh dư lai tạm trú lao tù.*

Dịch nghĩa

GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH^{*}

Chàng ra đi không trở về,
Để thiếp chôn buồn the một mình ôm sầu;
Nhà đương cục ý hằn thương thiếp cô quạnh,
Nên mời thiếp đến ở tạm nhà tù.

Dịch thơ

GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH

**Biên biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!**

NAM TRÂN *dịch*

^{*} Trong bài này, tác giả châm biếm việc bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tuy gọi là "đi lính cứu nước", nhưng thực chất chỉ là để bảo vệ nhà cầm quyền, nên phần đông nhân dân bỏ trốn không chịu đi. Để đối phó lại, chính quyền đã dùng thủ đoạn bắt vợ vào ngồi tù thay.

解嘲 (53)

吃公家飯住公房
軍警輪班去護從
玩水遊山隨所適
男兒到此亦豪雄

Phiên âm

GIẢI TRÀO

*Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng;
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!**

* Câu cuối bài này lấy từ câu thơ cuối bài thơ *Ngẫu thành* của nhà thơ và nhà triết học Nho giáo Trình Hạo đời Tống.

*Phú quý bất dâm, bần tiện lạc,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng.*

Nghĩa là:

Giàu sang không ham muốn, nghèo hèn vẫn vui,
Làm trai đến thế cũng hào hùng.

Dịch nghĩa

PHA TRÒ

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;
Dạo núi chơi sông tùy ý thích,
Làm trai đến thế cũng hào hùng!

Dịch thơ

PHA TRÒ

**Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

往南寧 (54)

鐵繩硬替麻繩軟
步步叮嚀環珮聲
雖是嫌疑間諜犯
儀容卻像舊公卿

Phiên âm

VÃNG NAM NINH

*Thiết thăng ngạnh thế ma thăng nhuyễn,
Bộ bộ đĩnh đang hoãn bội thanh;
Tuy thị hiêm nghi gián điệp phạm,
Nghị dung khước tượng cựu công khanh.*

Dịch nghĩa

ĐI NAM NINH

Xích sắt cứng đã thay thùng gai mềm,
Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;
Tuy là người tù bị tình nghi gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh ngày trước.

Dịch thơ

ĐI NAM NINH

Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.

NAM TRÂN dịch

警兵擔豬同行 (55)

警士擔豬同路走
豬由人擔我人牽
人而反賤於豬仔
因爲人無自主權

二 (56)

世上千辛和萬苦
莫知失却自由權
一言一動不自主
如牛如馬任人牽

Phiên âm

CẢNH BINH ĐẢM TRƯ ĐỒNG HÀNH

I

*Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền!*

II

*Thế thượng thiên tâm hòa vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền!
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ,
Như ngư, như mã, nhậm nhân khiên.*

Dịch nghĩa

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

Cảnh binh khiêng lợn đi cùng đường,
Lợn thì người khiêng, ta người dắt;
Người lại bị coi rẻ hơn lợn,
Chỉ vì người không có quyền tự chủ.

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Không gì cay đắng bằng mất quyền tự do;
Mỗi lời nói, mỗi hành động đều không được tự chủ,
Mặc cho người dắt như trâu, như ngựa.

Dịch thơ

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

**Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!**

II

**Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!**

NAM TRÂN *dịch*

跌 落 (57)

夜 仍 黑 暗 已 登 程
路 又 崎 嶇 甚 不 平
跌 入 深 坑 危 險 甚
幸 能 躍 出 了 深 坑

Phiên âm

ĐIỆT LẠC

*Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu kỳ khu thậm bất bình;
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh*.*

* Nguyên bản là *trình*, trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *khanh*.

Dịch nghĩa

HỤT CHÂN NGÃ

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề, không chút bằng phẳng;
Hụt chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,
May sao đã nhảy được ra khỏi hố.

Dịch thơ

HỤT CHÂN NGÃ

Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!

NAM TRÂN dịch

半路搭船赴邕 (58)

乘舟順水往邕寧
脛吊船欄似絞刑
兩岸鄉村稠密甚
江心漁父釣船輕

Phiên âm

BÁN LỘ THÁP THUYỀN PHÓ UNG

*Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh,
Hĩnh điếu thuyền lan tự giáo hình;
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điếu thuyền khinh.*

Dịch nghĩa

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH*

Đáp thuyền xuôi dòng đi Ung Ninh,
Chân bị treo lên giàn thuyền như tội hình treo cổ;
Làng xóm hai bên sông thật là đông đúc,
Giữa lòng sông, thuyền câu của ông chài lướt nhẹ.

Dịch thơ

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH

**Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giáo hình;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Ung Ninh*: Tức Nam Ninh, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, có thị trấn Nam Ninh.

南寧獄 (59)

監房建築頂摩登
澈夜輝煌照電燈
因爲每餐惟有粥
使人肚子戰兢兢

Phiên âm

NAM NINH NGỤC

*Gian phòng kiến trúc đỉnh "ma đặng",
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đặng;
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.*

Dịch nghĩa

NHÀ NGỤC NAM NINH

Nhà lao xây dựng rất "môđéc"*,
Suốt đêm đèn điện sáng rực;
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ có cháo,
Khiến cho bụng người ta cứ run bần bật.

Dịch thơ

NHÀ NGỤC NAM NINH

**Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ rung hoài.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Môđéc* ("ma đăng"): Tối tân, hiện đại, tác giả dùng với ý hài hước.

納悶 (60)

環 球 戰 火 鑠 蒼 天
壯 士 相 爭 赴 陣 前
獄 裡 閑 人 閑 要 命
雄 心 不 值 一 文 錢

Phiên âm

NẠP MUỘN

*Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên,
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền;
Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh,
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.*

Dịch nghĩa

BUỒN BỰC

Lửa chiến tranh trên hoàn cầu nóng chảy cả trời xanh,
Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận;
Trong tù, người nhàn lại nhàn quá đổi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng tiền.

Dịch thơ

BUỒN BỰC

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đổi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng trinh.

NAM TRÂN *dịch*

聽雞鳴 (61)

你 只 平 常 一 隻 雞
朝 朝 報 曉 大 聲 啼
一 聲 喚 醒 群 黎 夢
你 的 功 勞 也 不 低

Phiên âm

THÍNH KÊ MINH

*Nhĩ chi bình thường nhất chích kê,
Triêu triêu báo hiệu đại thanh đề;
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng,
Nhĩ đích công lao dã bất đề.*

Dịch nghĩa

NGHE GÀ GÁY

Người chỉ là một chú gà bình thường,
Mỗi sớm, lớn tiếng gáy để báo sáng;
Một tiếng thôi mà gọi tỉnh giấc mộng của dân chúng,
Công lao người chẳng phải là xoàng.

Dịch thơ

NGHE GÀ GÁY

Người tuy chỉ một chú gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công người đâu có phải là xoàng.

NAM TRẦN *dịch*

一個賭犯硬了 (62)

他身只有骨包皮
痛苦饑寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Phiên âm

NHẤT CÁ ĐỒ PHẠM "NGẠNH" LIÊU

*Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi;
Tạc dạ tha nhưng thụ ngã trắc,
Kim triêu tha dĩ cửu tuyên quy.*

Dịch nghĩa

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC "CHẾT CÙNG"

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khô đau, đói rét, không chống đỡ nổi;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay đã về chín suối.

Dịch thơ

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC "CHẾT CÙNG"

**Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Anh chỉ làn da bọc dùm xương,
Khổ đau, đói rét sức khôn đương;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.**

NGUYỄN SĨ LÂM

又一個... (63)

夷齊不食周朝粟
賭犯不吃公家粥
夷齊餓死首陽山
賭犯餓死公家獄

Phiên âm

HỮU NHẤT CÁ...

*Di, Tề bất thực Chu triều túc,
Đỗ phạm bất ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương* sơn,
Đỗ phạm ngã tử công gia ngục.*

* Nguyên bản là *Thủ Dương*, trong lần xuất bản thứ nhất tác giả chữa lại là *Thú Dương*. Thú Dương là tên một ngọn núi thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc.

Dịch nghĩa

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA

Bá Di, Thúc Tề* không ăn thóc nhà Chu,
Người tù cờ bạc không ăn cháo nhà nước;
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thú Dương,
Người tù cờ bạc chết đói trong ngục nhà nước.

Dịch thơ

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA

**Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Bá Di, Thúc Tề*: Con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước C.N.), Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập nên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu lên núi Thú Dương ở ẩn, ăn rau薇, rồi chết đói ở đó.

禁 煙 紙 煙 的 (64)

煙 禁 此 間 很 厲 害
你 煙 繳 入 他 煙 包
當 然 他 可 吹 煙 斗
你 若 吹 煙 罰 手 鐐

他：獄丁也

Phiên âm

CẤM YÊN

(Chỉ yên đích)

*Yên cấm thử gian hản lệ hại,
Nhĩ yêu kiều nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đầu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.
(Tha: ngục đình dĩa)*

Dịch nghĩa

CẤM HÚT THUỐC (Thuốc lá)

Ở đây lệnh cấm hút thuốc rất gắt gao,
Thuốc của anh phải nộp vào túi thuốc của nó;
Đương nhiên, nó có thể hút thuốc bằng tẩu,
Nhưng nếu anh hút, bị phạt còng tay.

(Nó: lính ngục)

Dịch thơ

CẤM HÚT THUỐC (Thuốc lá)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

NAM TRÂN *dịch*

夜半聞哭夫 (65)

嗚呼夫君兮夫君
何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見
十分心合意投人

Phiên âm

ĐẠ BÁN VĂN KHỐC PHU

*Ô hô phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.*

Dịch nghĩa

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Than ôi! Chàng hỡi chàng!
Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp!

Dịch thơ

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ôi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

黃 昏 (66)

風 如 利 劍 磨 山 石
寒 似 尖 鋒 刺 樹 枝
遠 寺 鍾 聲 催 客 步
牧 童 吹 笛 引 牛 歸

Phiên âm

HOÀNG HÔN

*Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.*

Dịch nghĩa

HOÀNG HÔN

Gió như gươm sắc mài đá núi,
Rét như giáo nhọn chích cành cây;
Tiếng chuông chùa xa giục bước chân khách,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

Dịch thơ

HOÀNG HÔN

**Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.**

NAM TRÂN *dịch*

工 金 (67)

煮 一 鍋 飯 六 毛 錢
一 盆 開 水 銀 一 元
一 元 買 物 得 六 角
獄 中 價 格 定 昭 然

Phiên âm

CÔNG KIM

*Chỉ nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.*

Dịch nghĩa

TIỀN CÔNG

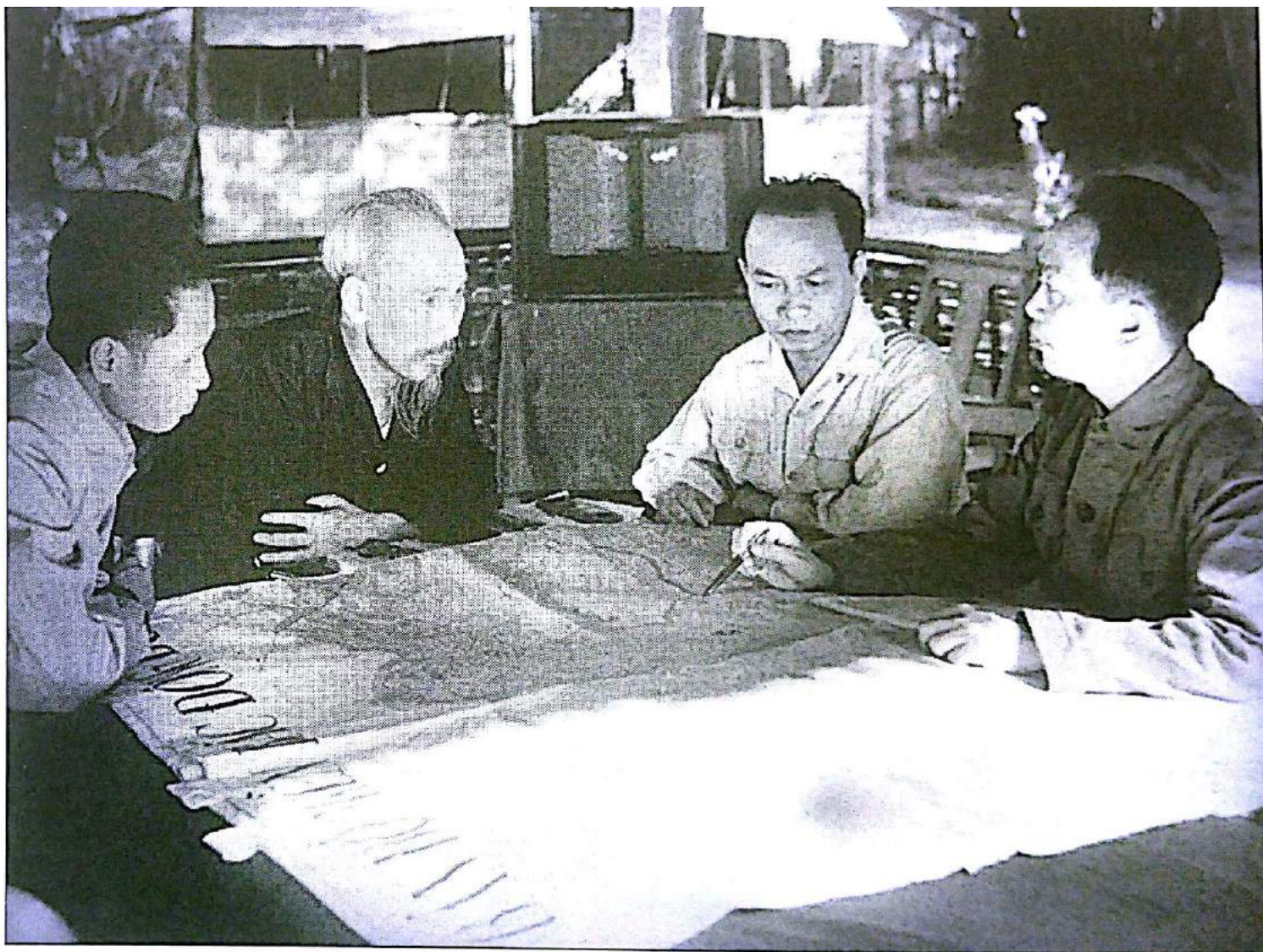
Thối một nồi cơm phải sáu hào,
Một chậu nước sôi một đồng bạc;
Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong tù định rõ như thế!

Dịch thơ

TIỀN CÔNG

**Thối một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!**

NAM TRÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị họp bàn chiến cuộc
Đông Xuân 1953-1954 và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

睡不著 (68)

一更二更又三更
輾轉徘徊睡不成
四五更時才合眼
夢魂環繞五尖星

Phiên âm

THỤY BẤT TRƯỚC

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thụy bất thành;
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.*

Dịch nghĩa

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc bần khoản không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quần quanh nơi ngôi sao năm cánh.

Dịch thơ

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

**Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc bắn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc, bắn khoăn, khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh quện hồn ta.**

XUÂN THỦY *dịch*

憶 友 (69)

昔 君 送 我 至 江 濱
問 我 歸 期 指 谷 新
現 在 新 田 已 梨 好
他 鄉 我 作 獄 中 人

Phiên âm

ỨC HỮU

*Tích quân tổng ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.*

Dịch nghĩa

NHỚ BẠN

Ngày nào anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, trở mùa lúa mới;
Đến nay ruộng lại đã cày xong hết rồi,
Nơi đất khách, tôi thành người trong tù.

Dịch thơ

NHỚ BẠN

Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.

NAM TRÂN *dịch*

替難友們寫報告 (70)

同舟共濟義難辭
替友編修報告書
奉此等因今始學
多多博得感恩詞

Phiên âm

THẾ NẠN HỮU MÃN TẢ BÁO CÁO

*Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,
Thế hữu biên tu báo cáo thư;
"Phụng thử", "đẳng nhân" kim thủy học,
Đa đa bác đắc cảm ân từ.*

Dịch nghĩa

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

Cùng hội cùng thuyền giúp nhau, lẽ khôn từ chối,
Viết báo cáo thay cho bạn;
Những chữ "thừa lệnh", "chiều theo" nay đều mới học,
Thế mà đã được nhiều lời cảm tạ.

Dịch thơ

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dám từ nan;
"Chiều theo", "thừa lệnh" nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

NAM TRẦN *dịch*

癩 瘡 (71)

滿身紅綠如穿錦
成日撈搔似鼓琴
穿錦囚中都貴客
鼓琴難友盡知音

Phiên âm

LẠI SANG

*Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,
Thành thật lao tao tựa cổ cầm;
Xuyên cẩm, tù trung đồ quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.*

Dịch nghĩa

GHẺ LỖ

Xanh đỏ đầy người như áo gấm,
Suốt ngày sột soạt tựa gảy đàn;
Mặc gấm trong tù đều là khách quý,
Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

Dịch thơ

GHẺ LỖ

**Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

聞 椿 米 聲 (72)

米 被 舂 時 很 痛 苦
既 舂 之 後 白 如 綿
人 生 在 世 也 這 樣
困 難 是 你 玉 成 天

Phiên âm

VĂN THUNG MỄ THANH

*Mễ bị thung thì, hấn thống khổ,
Ký thung chi hậu, bạch như miên;
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên.*

Dịch nghĩa

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo lúc đang giã, rất đau đớn,
Lúc giã xong rồi, trắng tựa bông;
Người sống trên đời cũng như vậy,
Gian nan là dịp rèn giũa mình thành ngọc.

Dịch thơ

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

**Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

雙 十 一 (73)

從 前 每 到 雙 十 一
紀 念 歐 洲 罷 戰 期
今 日 五 洲 同 血 戰
罪 魁 就 是 惡 NA-ZI

二 (74)

中 華 抗 戰 將 六 載
烈 烈 轟 轟 舉 世 知
勝 利 雖 然 有 把 握
仍 須 努 力 反 攻 時

三 (75)

抗 日 旌 旗 滿 亞 洲
旌 旗 大 小 有 差 殊
旌 旗 大 的 固 須 有
小 的 旌 旗 不 可 無

Phiên âm

SONG THẬP NHẤT

I

*Tòng tiền mỗi đảo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôị tịu thị ác Nadi.*

II

*Trung Hoa kháng chiến tương lực tải,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.*

III

*Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.*

Dịch nghĩa

NGÀY 11 THÁNG 11^{*}

Trước kia, cứ đến ngày 11 tháng 11
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu;
Ngày nay năm châu cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Nadi^{**} hung ác.

II

Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, khắp nơi đều biết;
Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức phản công.

III

Cờ kháng Nhật dậy khắp châu Á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cổ nhiên phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

^{*} Ngày 11-11 (song thập nhất): Ngày kỷ niệm chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

^{**} Nadi: Chỉ bọn Đức quốc xã.

Dịch thơ

NGÀY 11 THÁNG 11

I

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Nadi tội đứng đầu.

II

Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy*
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.

III

Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẵn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

NAM TRÂN *dịch*

* Nguyên văn: Gần sáu năm. Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

警 報 (76)

十一月十二日

敵 機 浩 蕩 到 天 中
避 襲 人 民 跑 一 空
我 們 出 籠 避 空 襲
人 人 歡 喜 得 出 籠

Phiên âm

CẢNH BÁO

(Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)

*Địch cơ hạo dãng đáo thiên trung,
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;
Ngã miễn xung lung tỵ không tập,
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.*

Dịch nghĩa

BÁO ĐỘNG

(Ngày 12 tháng 11)

Trên trời máy bay địch rầm rộ kéo tới,
Tránh oanh tạc, nhân dân bỏ chạy hết sạch;
Chúng tôi cũng ra khỏi lao để tránh máy bay,
Ai nấy mừng rỡ được ra ngoài lao.

Dịch thơ

BÁO ĐỘNG

(Ngày 12 tháng 11)

Máy bay địch bỗng đến ào ào
Tất cả nhân dân chạy xuống hào,
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Sổ lòng, ai nấy khoái làm sao!

NAM TRÂN *dịch*

折 字 (77)

囚 人 出 去 或 爲 國
患 過 頭 時 始 見 忠
人 有 憂 愁 優 點 大
籠 開 竹 門 出 真 龍

Phiên âm

CHIẾT TỰ

*Tù nhân xuất khứ hoặc vì quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại
Lung khai trúc môn, xuất chân long.*

Dịch nghĩa

CHIẾT TỰ^{*}

*Người tù ra khỏi ngục, có khi dựng nên đất nước
Qua cơn hoạn nạn mới rõ người trung
Người biết lo âu, ưu điểm lớn
Nhà lao mở then cửa trúc, rồng thật sẽ bay ra^{**}*

Dịch thơ

CHIẾT TỰ

**Người thoát khỏi tù ra dựng nước
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay
Người biết lo âu, ưu điểm lớn
Nhà lao mở cửa ắt rồng bay!**

* Chiết tự: một hình thức phân tích chữ Hán ra từng bộ phận để thành những chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu.

** Theo lối chiết tự, bài thơ này còn có nghĩa đen như sau: chữ *tù* bỏ chữ *nhân* cho chữ *hoặc* vào thành chữ *quốc*. Chữ *hoạn* bớt phần trên đi thành chữ *trung*. Thêm *nhân* đứng vào chữ *ưu* trong “ưu sầu” thành chữ *ưu* trong “ưu điểm”. Chữ *lung* bỏ *trúc* đầu thành chữ *long*.

旅館 (78)

照 例 初 來 諸 難 友
必 須 睡 在 廁 坑 邊
假 如 你 想 好 好 睡
你 要 多 花 几 塊 錢

Phiên âm

LỮ QUÁN

*Chiều lệ sơ lai chư nạn hữu
Tất tu thụ tại xí khanh biên;
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụ,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khôi tiên.*

Dịch nghĩa

"QUÁN TRỢ"

Theo lệ, các bạn tù mới đến,
Ắt phải ngủ cạnh hồ xí;
Nếu anh muốn được ngủ ngon giấc,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

Dịch thơ

"QUÁN TRỢ"

Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn cho ngủ ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.

NAM TRÂN *dịch*

早 晴 (79)

朝 陽 穿 過 籠 全 部
燒 盡 幽 煙 與 暗 霾
生 氣 頓 時 充 宇 宙
犯 人 個 個 笑 顏 開

Phiên âm

TẢO TÌNH

*Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thieu tận u yên dĩ ám mai;
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiếu nhan khai.*

Dịch nghĩa

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên suốt nhà lao,
Thieu đốt sạch những làn khói mù u ám còn sót lại;
Sinh khí bỗng tràn đầy vũ trụ,
Tù phạm ai nấy vẻ mặt tươi cười.

Dịch thơ

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,
Đốt tan khói đặc với sương dày;
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

HUỆ CHI dịch

越有騷動(80)

邕報赤道訊 14-11

寧死不甘奴隸苦
義旗到處又飄揚
可憐余做囚中客
未得躬親上戰場

Phiên âm

"VIỆT HỮU TAO ĐỘNG"

(Ung báo, xích đạo tấn 14-11)

*Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;
Khả liên dư tố tù trung khách,
Vị đắc cung thân thương chiến trường.*

Dịch nghĩa

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"

(Tin Xích đạo, trên báo Ung Ninh 14-11)

Thà chết, không chịu làm nô lệ,
Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;
Xót mình vẫn là khách trong tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Dịch thơ

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"

(Tin Xích đạo, trên báo Ung Ninh 14-11)

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

NAM TRÂN *dịch*

英訪華團 (81)

美團去了英團到
到處欣逢熱烈情
我也訪華團一部
卻遭特種的歡迎

Phiên âm

ANH PHÒNG HOA ĐOÀN

*Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;
Ngã dã "phòng Hoa đoàn" nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.*

Dịch nghĩa

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi khỏi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được tiếp đón nhiệt tình;
Ta cũng là một "Đoàn thăm Trung Hoa",
Lại gặp một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

Dịch thơ

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cùng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

解往武鳴 (82)

18 - 11

既 解 到 南 寧
又 解 返 武 鳴
彎 彎 曲 曲 解
徒 延 我 行 程
不 平

Phiên âm

GIẢI VĂNG VŨ MINH

18-11

*Ký giải đèo Nam Ninh,
Hữu giải phản Vũ Minh;
Loan loan, khúc khúc giải,
Đồ diên ngã hành trình.*

Bất bình!

Dịch nghĩa

GIẢI ĐI VŨ MINH^{*}

18-11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình!

Dịch thơ

GIẢI ĐI VŨ MINH

18-11

**Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.
Bất bình!**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

^{*} *Vũ Minh*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Tác giả đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông nay lại giải lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

苞鄉狗肉 (83)

過果德時吃鮮魚
過苞鄉時吃狗肉
可見一般遞解人
生活有時也不俗

Phiên âm

BÀO HƯƠNG CẦU NHỤC

*Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quá Bào Hương thì ngật cầu nhục;
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.*

Dịch nghĩa

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG^{*}

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương, ăn thịt chó;
Thế mới biết bọn lính giải tù,
Cách sống có lúc cũng sành sỏi.

Dịch thơ

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.

ĐỖ VĂN HỸ *dịch*

^{*} Bào Hương: Một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

築路夫 (84)

餐風浴雨未曾休
慘淡經營築路夫
車馬行人來往者
幾人感謝你功勞

Phiên âm

TRÚC LỘ PHU

*Xan phong dục vũ vị tằng hưu,
Thảm đạm kinh doanh* trúc lộ phu;
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?*

* *Thảm đạm kinh doanh*: Thành ngữ Trung Quốc nói dốc sức, mưu toan, tận tụy với công việc.

Dịch nghĩa

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió dầm mưa chưa từng lúc nghỉ,
Người phu làm đường tận tụy với công việc;
Ngựa xe và khách bộ hành qua lại,
Mấy ai biết cảm tạ công lao của anh?

Dịch thơ

PHU LÀM ĐƯỜNG

**Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người?**

NAM TRÂN *dịch*

獄丁竊我之士的 (85)

一 生 正 直 又 堅 剛
攜 手 同 行 幾 雪 霜
恨 彼 奸 人 離 我 倆
長 教 我 你 各 淒 涼

Phiên âm

NGỤC ĐÌNH THIẾT NGÃ CHI SĨ ĐÍCH*

*Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lương,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.*

* *Sĩ đích*: phiên âm tiếng Anh "stick", có nghĩa là chiếc gậy.

Dịch nghĩa

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt dìu nhau cùng đi đã mấy mùa sương tuyết;
Giận kẻ gian kia chia rẽ hai ta,
Khiến cho tôi và anh phải buồn thương mãi.

Dịch thơ

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta đắng dặc nỗi buồn thương.

NAM TRÂN *dịch*

公 里 碑 (86)

不 高 亦 不 遠
非 帝 亦 非 王
小 小 一 片 石
屹 立 大 道 旁
人 賴 你 指 示
不 走 錯 向 方
你 給 人 指 示
途 路 之 短 長
你 功 也 不 小
人 人 不 你 忘

Phiên âm

CÔNG LÝ BI

*Bất cao diệc bất viễn,
Phi đế diệc phi vương;
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng;
Nhân lai nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương;
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường;
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân nhân bất nhĩ vương (vong).*

Dịch nghĩa

CỘT CÂY SỐ

Không cao cũng không xa,
Chẳng đế cũng chẳng vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường lớn;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi không sai phương hướng;
Anh chỉ dẫn cho người,
Con đường ngắn hay dài;
Công anh cũng không nhỏ,
Mọi người chẳng quên anh.

Dịch thơ

CỘT CÂY SỐ

**Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dậm ngắt, dậm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

賓陽獄中孩 (87)

22 - 11

Oa... ! Oa... ! Oa... !

爺怕當兵救國家
所以我年才半歲
要到獄中跟著媽

Phiên âm

TÂN DƯƠNG NGỤC

TRUNG HÀI

22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!

Gia phạ đương binh cứu quốc gia;

Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,

Yếu đáo ngục trung căn trước ma.

Dịch nghĩa

**CHÁU BÉ TRONG
NGỤC TÂN DƯƠNG^{*}
22 - 11**

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ vào lính cứu nước nhà;
Cho nên em vừa được nửa tuổi,
Đã phải vào tù cùng với mẹ.

Dịch thơ

**CHÁU BÉ TRONG
NGỤC TÂN DƯƠNG
22 - 11**

**Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.**

NAM TRẦN *dịch*

^{*} *Tân Dương*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đến Quế Lâm. Cũng như bài *Trung bình gia quyến*, bài này mượn lời một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.

寄 尼 魯 (88)

我 奮 斗 時 君 活 動
君 入 獄 時 我 住 籠
萬 里 遙 遙 未 見 面
神 交 自 在 不 言 中

二 (89)

我 們 遭 逢 本 是 同
不 同 的 是 所 遭 逢
我 居 友 者 圈 圉 裡
君 在 仇 人 桎 梏 中

Phiên âm

KÝ NI LỖ

I

*Ngã phần đầu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lưng;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.*

II

*Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cừ hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừ nhân cốt trất trung.*

Dịch nghĩa

GỬI NÊRU*

I

Lúc tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mỗi giao cảm sâu xa đã sẵn trong chỗ không lời.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

* *Nêru*: tức Sori Giavaháclan Nêru (1889 - 1964) một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ và là Thủ tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 1964. Tác giả đã gặp cụ thân sinh ra Thủ tướng Nêru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh quốc tế tại Brúcxen thủ đô nước Bỉ, năm 1927.

Dịch thơ

GỬI NÊRU

I

**Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.**

II

**Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.**

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

燈光費 (90)

入籠要納燈光費
桂幣人人各六元
步入朦朧幽暗地
光明值得六元錢

Phiên âm

ĐĂNG QUANG PHÍ

*Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;
Bộ nhập môn lung u ám địa,
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!*

Dịch nghĩa

TIỀN ĐÈN

Vào tù nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây* mỗi người sáu đồng;
Bước vào nơi tối tăm mù mịt,
Sự quang minh đáng giá có sáu đồng.

Dịch thơ

TIỀN ĐÈN

Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên";
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.

NAM TRÂN dịch

* *Tiền Quảng Tây*: nguyên văn là "Quế tệ", tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.

獄 中 生 活 (91)

每 人 各 有 一 火 爐
大 大 小 小 幾 個 鍋
煮 飯 煮 茶 又 煮 菜
成 天 煙 火 沒 時 無

Phiên âm

NGỤC TRUNG SINH HOẠT

*Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chữ phạn chữ trà hựu chữ thái,
Thành thiên yên hỏa một thì vô.*

Dịch nghĩa

SINH HOẠT TRONG TÙ

Mỗi người đều có một hỏa lò,
Và mấy chiếc nồi lớn nhỏ;
Thổi cơm, đun trà, lại nấu thức ăn,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

Dịch thơ

SINH HOẠT TRONG TÙ

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

NAM TRÂN *dịch*

郭先生 (92)

萍水相逢談片刻
郭君對我甚慇懃
雪中送炭雖然少
世界仍存這種人

Phiên âm

QUÁCH TIÊN SINH

"Bình thủy tương phùng", đàm phiến khắc,
Quách quân đối ngã thậm ân cần;
"Tuyết trung tống thán"** tuy nhiên thiếu,
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.*

* *"Bình thủy tương phùng"*: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là bèo theo nước khi hợp khi tan. Ý nói những người chưa từng quen biết bỗng dưng gặp nhau.

** *"Tuyết trung tống thán"*: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là cho than sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi. Ý nói giúp đỡ người khác những lúc hoạn loạn

Dịch nghĩa

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Bèo nước gặp nhau", chuyện trò chốc lát,
Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;
Những người "trong tuyết cho than" tuy rằng ít,
Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế.

Dịch thơ

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Gặp nhau bèo nước", chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
"Rét đến cho than", không mấy kẻ,
Đời này người thế vẫn còn mà.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

莫 班 長 (93)

慷 慨 賓 陽 莫 班 長
解 囊 買 飯 給 囚 人
晚 間 解 縛 給 他 睡
不 用 威 權 只 用 恩

Phiên âm

MẠC BAN TRƯỞNG

*Khảng khái Tân Dương, Mạc ban trưởng,
Giải nang mãi phạm cấp tù nhân;
Văn giai giải phược cấp tha thụy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.*

Dịch nghĩa

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

Hào hiệp thay, trưởng ban họ Mạc ở Tân Dương,
Bỏ tiền túi mua cơm cho tù nhân;
Tối đến cõng trời cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân nghĩa.

Dịch thơ

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

**Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cõng thùng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.**

NAM TRÂN *dịch*

遷江獄 (94)

1 - 12

籠外六十九人盜
籠中的盜不知數
監房却像刨藥堂
又像街上賣盜鋪

Phiên âm

THIÊN GIANG NGỤC

1 - 12

*Lục ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giám phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.*

Dịch nghĩa

NHÀ LAO THIÊN GIANG^{*}

1 - 12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người^{**},
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế thuốc,
Ai cũng giống hệt như cửa hàng bán ang ngoài phố!

Dịch thơ

NHÀ LAO THIÊN GIANG

1 - 12

**Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chính cũng không sai.**

NAM TRÂN *dịch*

^{*} *Thiên Giang*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

^{**} *Ang người*: Một kiểu áo quan. Quảng Tây và một số tỉnh phía nam Trung Quốc có tục chôn người, thường theo tư thế ngồi, vào những chiếc ang.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm đồng bào các dân tộc Tây Bắc nhân kỷ niệm 5 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1959)

Ảnh: Đinh Đăng Định - Bảo tàng Hồ Chí Minh

搭火車往來賓 (95)

幾十日來勞走路
今天得搭火車行
雖然只得坐炭上
畢竟比徒步漂亮

Phiên âm

THÁP HỎA XA VÃNG LAI TÂN

*Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hỏa xa hành (hành);
Tuy nhiên chỉ đắc tọa than thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lương (lượng).*

Dịch nghĩa

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN^{*}

Mấy chục ngày qua đi bộ mệt nhoài,
Hôm nay được đáp xe lửa;
Dù chỉ được ngồi trên đồng than,
Nhưng so với đi bộ còn sang chán!

Dịch thơ

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN

**Cuộc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hỏa;
Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,
Sang gấp mấy lần khi cuộc bộ.**

ĐỖ VĂN HÝ - HUỆ CHI dịch

^{*} *Lai Tân*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

他 想 逃 (96)

一 心 只 想 自 由 境
拚 命 跳 車 他 走 開
可 惜 他 跑 半 里 許
又 被 警 兵 捉 回 來

Phiên âm

THA TƯỞNG ĐÀO

*Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Biền mệnh khiêu xa tha tẩu khai;
Khả tích tha bào bán lý hử,
Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai!*

Dịch nghĩa

ANH ẤY MUỐN TRỐN

Một lòng chỉ mong mỗi cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;
Tiếc thay mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem về.

Dịch thơ

ANH ẤY MUỐN TRỐN

**Tự do anh ấy hằng mong mỗi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!**

NAM TRÂN *dịch*

來賓 (97)

監房班長天天賭
警長貪吞解犯錢
縣長燒燈辦公事
來賓依舊太平天

Phiên âm

LAI TÂN

*Giam phòng Ban trưởng thiên thiên đổ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.*

Dịch nghĩa

LAI TÂN

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

Dịch thơ

LAI TÂN

**Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.**

NAM TRÂN *dịch*

到 柳 州 (98)

9 - 12

千 辛 萬 苦 非 無 限
九 日 吾 人 到 柳 州
回 顧 百 餘 天 惡 夢
醒 來 面 尚 帶 餘 愁

Phiên âm

ĐÁO LIỄU CHÂU

9 - 12

*Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;
Hồi cố bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.*

Dịch nghĩa

ĐẾN LIỄU CHÂU^{*}

9 - 12

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn,
Ngày mòn chín, ta đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút u sầu.

Dịch thơ

ĐẾN LIỄU CHÂU

9 - 12

**Muôn cay nghìn đắng đâu vô tận,
Mòn chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.**

NAM TRÂN *dịch*

^{*} *Liễu Châu*: Một thành phố của tỉnh Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

久不遞解 (99)

苦藥杯將乾更苦
難關末步倍艱難
長官部只隔里許
何故長留我此間

Phiên âm

CỬU BẤT ĐỆ GIẢI

*Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,
Nan quan, mạt bộ bội gian nan;
Trường quan bộ chỉ cách lý hử,
Hà cố trường lưu ngã thử gian?*

Dịch nghĩa

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,
Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó khăn;
Dinh trưởng quan chỉ cách chùng một dặm,
Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này?

Dịch thơ

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

**Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại càng thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chùng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?**

NAM TRÂN *dịch*

夜 半 (100)

睡 時 都 像 純 良 漢
醒 後 才 分 善 惡 人
善 惡 原 來 無 定 性
多 由 教 育 的 原 因

Phiên âm

DẠ BÁN

*Thụy thì đô tượng thuần lương hán,
Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.*

Dịch nghĩa

NỬA ĐÊM

Lúc ngủ, mọi người đều có vẻ thuần hậu,
Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện kẻ ác;
Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố hữu,
Phần lớn đều do giáo dục mà nên.

Dịch thơ

NỬA ĐÊM

**Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.**

NAM TRÂN *dịch*

柳州獄 (101)

Phiên âm

LIÊU CHÂU NGỤC*

Dịch nghĩa

NHÀ NGỤC LIÊU CHÂU

* Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.

到長官部 (102)

想這難關是最後
自由日子快來臨
那知還有難關在
我們應該解桂林

Phiên âm

ĐÁO TRƯỞNG QUAN BỘ

*Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm;
Na tri hoàn hữu nan quan tại:
Ngã mẫn ưng cai giải Quế Lâm.*

Dịch nghĩa

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối cùng,
Ngày tự do đang đến nhanh;
Ngờ đâu còn cửa ải khó khăn nữa:
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâm*.

Dịch thơ

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do đâu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa:
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

NAM TRÂN dịch

* Quế Lâm: Thủ phủ của tỉnh Quảng Tây.

四個月了 (103)

一 日 囚 千 秋 在 外
古 人 之 話 不 差 訛
四 月 非 人 類 生 活
使 余 憔 悴 十 年 多

因 爲
四 月 吃 不 飽
四 月 睡 不 好
四 月 不 換 衣
四 月 不 洗 澡

所以
落了髮
黑全
以了白
瘦身
一了像
是
一隻許
餓癩
牙多鬼
痧

幸而
持久
不肯
物質
不動
和退
雖搖
忍一
痛精
耐分
苦神

Phiên âm

TỨ CÁ NGUYỆT LIÊU

*"Nhất nhật tù, thiên tu tại ngoại",
Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa!
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiêu tụy thập niên đa.*

Nhân vị:

*Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thụ bất hảo,
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy tảo.*

Sở dĩ:

*Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hĩa đa,
Hắc sáu tượng ngã quý,
Toàn thân thị lại sa.*

Hạnh nhi:

*Trì cửu hòa nhĩn nại,
Bất khảng thoái nhất phân,
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tình thân...*

Dịch nghĩa

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa thực không sai;
Sống chẳng ra người vừa bốn tháng,
Khiến mình tiêu tụy còn hơn mười năm.

Bởi vì:

Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,
Bốn tháng không thay áo,
Bốn tháng không tắm rửa.

Cho nên:

Rụng mất một chiếc răng,
Tóc bạc đi nhiều,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở khắp thân mình,

May sao:

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

Dịch thơ

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiêu tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:

Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:

**Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.**

May mà:

**Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.**

NAM TRÂN *dịch*

病重 (104)

外感華天新冷熱
內傷越地舊山河
獄中害病真辛苦
本應痛哭却狂歌

Phiên âm

BỆNH TRỌNG

*Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn hà*;
Ngục trung hại bệnh chân tâm khổ,
Bản ưng thống khóc khước cuồng ca.*

* Hai câu đầu bài này dựa vào hai câu:

"Ngoại cảm Hán gia tân vũ lộ,

Nội thương Hàn quốc cựu sơn hà".

trong bài *Trương Lương tố đa bệnh* của Hoàng Phan Thái, tức Đầu xứ Thái, một nhà nho ở huyện Nghi Lộc, nay thuộc tỉnh Nghệ An, chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn, bị xử tử thời Tự Đức.

Dịch nghĩa

ỒM NẶNG

Bên ngoài, cảm vì sự nóng lạnh mới thay đổi của trời Hoa,
Bên trong, đau vì non sông xưa của đất Việt;
Trong tù mắc bệnh thực đắng cay,
Lẽ ra phải khóc ròng mà ta cứ hát ngao!

Dịch thơ

ỒM NẶNG

**"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương" đất Việt cảnh lầm than;
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!**

NAM TRÂN *dịch*

到 桂 林 (105)

桂 林 無 桂 亦 無 林
只 見 山 高 與 水 深
榕 蔭 監 房 真 可 怕
白 天 黑 黑 夜 沉 沉

Phiên âm

ĐÁO QUẾ LÂM

*Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dĩ thủy thâm;
Dung âm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.*

Dịch nghĩa

ĐẾN QUẾ LÂM

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao và sông sâu;
Cây đa rủ bóng xuống ruộng giã, thực đáng sợ,
Ban ngày thì sầm tối, ban đêm thì im lìm.

Dịch thơ

ĐẾN QUẾ LÂM

**Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao;
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm!**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Quế Lâm không quế, có rừng đâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì ảm đạm, tối u sầu!**

XUÂN DIỆU - ĐỖ VĂN HỸ *dịch*

入籠錢 (106)

初來要納入籠錢
至少仍須五十元
倘你無錢不能納
你將步步碰麻煩

Phiên âm

NHẬP LUNG TIỀN

*Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chí thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên;
Thảng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bình ma phiền.*

Dịch nghĩa

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến, phải nộp khoản tiền vào nhà lao,
Ít nhất cũng năm mươi đồng;
Nếu anh không có tiền, không nộp được,
Mỗi bước đi anh sẽ gặp chuyện rắc rối.

Dịch thơ

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến nhà lao phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi, một bước phiền.

NAM TRÂN *dịch*

? ! (107)

空 空 苦 了 四 十 天
四 十 天 苦 不 勝 言
現 在 又 要 解 返 柳
真 是 令 人 悶 又 煩

Phiên âm

?!

*Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thắng ngôn;
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,
Chân thị linh nhân muộn hựu phiền.*

Dịch nghĩa

?!

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày rồi,
Bốn mươi ngày khổ không nói xiết;
Nay lại phải giải trở về Liễu Châu,
Thực khiến cho người ta bức bối lại buồn phiền.

Dịch thơ

?!

**Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đọa đày;
Nay lại giải về châu Liễu nữa,
Khiến người đã bức lại buồn thay!**

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

? (108)

柳 州 桂 林 又 柳 州
踢 來 踢 去 像 皮 球
含 冤 踏 遍 廣 西 地
不 知 解 到 幾 時 休

Phiên âm

?

*Liễu Châu, Quế Lâm hựu Liễu Châu,
Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu;
Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu?*

Dịch nghĩa

?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại như quả bóng da;
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi?

Dịch thơ

?

**Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu?**

NAM TRÂN *dịch*

到第四戰區政治部(109)

解過廣西十三縣
住了十八個監房
試問余所犯何罪
罪在爲民族盡忠

Phiên âm

ĐÁO ĐỆ TỬ CHIẾN KHU CHÍNH TRỊ BỘ

*Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng;
Thí vấn dư sở phạm hà tội?
Tội tại vị dân tộc tận trung!*

Dịch nghĩa

ĐỀN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV^{*}

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,
Dừng chân qua mười tám nhà lao;
Thử hỏi ta phạm tội gì?
Tội tận trung với dân tộc!

Dịch thơ

ĐỀN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước, với dân à?

NAM TRÂN *dịch*

^{*} Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu, là một trung tâm quân sự của Trường Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó.

政 治 部 禁 閉 室 (110)

二 尺 闊 兮 三 尺 長
四 人 住 此 日 傍 徨
要 伸 伸 腳 也 不 可
因 爲 多 人 少 地 方

Phiên âm

CHÍNH TRỊ BỘ CẤM BÊ THẤT

Nhị xích khoát hề tam xích trường,
Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;
Yếu thân thân cước dã bất khả,
Nhân vị đa nhân, thiếu địa phương.*

* Nguyên bản là chữ *xích*, một đơn vị đo chiều dài của Anh, tương đương với 0,305m. Bản của Viện Văn học trong lần xuất bản trước viết là *xích*, đơn vị đo chiều dài của Trung Quốc, tương đương 0,31m, cũng gần bằng xích Anh. Nếu theo những con số này thì diện tích phòng giam chỉ rộng chừng hơn nửa mét vuông ($0,305 \times 3 \times 0,305 \times 2 = 0,56$). Có lẽ không có một loại cấm bê thất nào nhỏ đến như vậy. Chúng tôi đoán tác giả dùng chữ *xích* để chỉ *công xích*, tức mét (mètre), nên chúng tôi tạm dịch là thước. Xà lim rộng 6m² cũng là loại thường thấy.

Dịch nghĩa

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

Hai thước rộng và ba thước dài,
Bốn người suốt ngày quanh quẩn trong đó;
Muốn duỗi chân một tí cũng không được,
Bởi người đông mà đất lại hẹp.

Dịch thơ

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

**Hai thước rộng, ba thước dài,
Ngày đêm luẩn quẩn bốn người tù nhân;
Mỗi chân, không chỗ duỗi chân,
Người đông, phòng hẹp, khó phần trở xoay**

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

蒙 優 待 (111)

吃 夠 飯 菜 睡 夠 氈
又 給 零 錢 買 報 烟
主 任 梁 公 優 待 我
我 心 感 激 不 勝 言

Phiên âm

MÔNG ƯU ĐÃI

*Ngật câu phạn thái, thụy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm kích bất thắng ngôn.*

Dịch nghĩa

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Dịch thơ

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

**Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.**

HUỆ CHI dịch

朝 景 (112)

太 陽 每 早 從 山 上
照 得 全 山 處 處 紅
只 爲 籠 前 有 黑 影
太 陽 未 照 到 籠 中

Phiên âm

TRIỀU CẢNH

*Thái dương mỗi tảo tòng sơn thượng
Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng;
Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lung trung.*

Dịch nghĩa

CẢNH BUỔI SỚM

Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,
Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;
Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,
Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

Dịch thơ

CẢNH BUỔI SỚM

**Đầu non sớm sớm vàng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.**

NAM TRÂN *dịch*

清 明 (113)

清 明 時 節 雨 紛 紛
籠 裡 囚 人 欲 斷 魂
借 問 自 由 何 處 有
衛 兵 遙 指 辦 公 門

Phiên âm

THANH MINH^{*}

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân giục đoạn hồn;
Tá vấn tỵ do hà xứ hữu?
Vệ binh đao chỉ biện công môn.*

^{*} Bài này dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Đỗ Mục đời Đường:

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn;
Tá vấn tỵ gia hà xứ hữu?
Mục đồng đao chỉ Hạnh Hoa thôn.*

Nghĩa là:

Tiết thanh minh mưa phùn lất phất,
Trên đường người đi buồn đứt ruột;
Ướm hỏi nơi nào có quán rượu?
Trẻ chăn trâu chỉ tay về phía xa: thôn Hạnh Hoa.

Dịch nghĩa

TIẾT THANH MINH

Tiết thanh minh mưa phùn dày hạt,
Trong ngục, người tù buồn đứt ruột;
Ướm hỏi: nơi nào có tự do?
Lính gác chỉ tay về phía xa: cửa công đường.

Dịch thơ

TIẾT THANH MINH

Thanh minh lát phát mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trở lối thẳng ra công đường.

NAM TRÂN *dịch*

晚 景 (114)

玫 瑰 花 開 花 又 謝
花 開 花 謝 兩 無 情
花 香 透 入 籠 門 裡
向 在 籠 人 訴 不 平

Phiên âm

VĂN CẢNH

*Mai khôì hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,
Hương tại lung nhân tố bất bình.*

Dịch nghĩa

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương thơm bay thấu vào trong ngực,
Tối kẻ với người trong ngực nổi bất bình.

Dịch thơ

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Kẻ với tù nhân nổi bất bình.

NAM TRÂN *dịch*

伍科長黃科員 (115)

伍科長與黃科員
兩二見我太可憐
慇懃慰問和幫助
這像冬寒遇暖天

Phiên âm

NGŨ KHOA TRƯỞNG, HOÀNG KHOA VIÊN

*Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;
Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.*

Dịch nghĩa

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ, KHOA VIÊN HỌ HOÀNG

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta rất đáng thương;
Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt gặp được ngày nắng ấm.

Dịch thơ

**KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ,
KHOA VIÊN HỌ HOÀNG**

**Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ai cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.**

HUỆ CHI *dịch*

限 制 (116)

沒 有 自 由 真 痛 苦
出 恭 也 被 人 制 裁
開 籠 之 時 肚 不 痛
肚 痛 之 時 籠 不 開

Phiên âm

HẠN CHẾ

*Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung dã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đồ bất thống,
Đồ thống chi thì lung bất khai.*

Dịch nghĩa

BỊ HẠN CHẾ

Không có tự do thực thống khổ,
Đến chuyện đi tiêu cũng bị người hạn chế;
Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,
Đến lúc bụng đau, ngục không mở.

Dịch thơ

BỊ HẠN CHẾ

Đau khổ chỉ bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

NAM TRÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố Hiến pháp nước
Việt Nam dân chủ cộng hòa (31/12/1959)

Ảnh chụp lại của TTXVN

楊濤病重 (117)

無端平地起波濤
送你楊濤入坐牢
城火池魚堪浩嘆
而今你又咳成癆

Phiên âm

DUƠNG ĐÀO BỆNH TRỌNG

*Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập tọa lao;
"Thành hỏa trì ngư" kham hạo thán,
Nhi kim nhĩ hựu khái thành lao.*

Dịch nghĩa

DƯƠNG ĐÀO* ÔM NẶNG

Không dung đất bằng nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngôi tù;
"Cháy thành vạ lây", đáng thở than biết mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

Dịch thơ

DƯƠNG ĐÀO ÔM NẶNG

Sóng dậy đất bằng hỏi có sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

* *Dương Đào*: Một nông dân ở biên giới Quảng Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh bị bắt và bị giam cầm cùng với Người. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, ông cũng ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc, coi như anh em. Tháng 8-1963, Hồ Chủ tịch đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Na Pha (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột Dương Đào.

不眠夜 (118)

茫 茫 長 夜 不 能 眠
我 做 囚 詩 百 幾 篇
做 了 一 篇 常 擱 筆
從 籠 門 望 自 由 天

Phiên âm

BẤT MIÊN DẠ

*Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên;
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.*

Dịch nghĩa

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm dài mênh mang không ngủ được,
Ta làm thơ tù đã hơn trăm bài;
Làm xong mỗi bài thường gác bút,
Trông qua cửa tù, ngóng trời tự do.

Dịch thơ

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.

NAM TRÂN *dịch*

久雨 (119)

九天下雨一天晴
可恨天公沒有情
鞋破路泥污了腳
仍須努力向前行

Phiên âm

CỬU VŨ

*Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình!
Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.*

Dịch nghĩa

MƯA LÂU

Chín ngày mưa, một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình!
Giày rách, đường lầy, lấm cả chân,
Nhưng vẫn phải gắng sức đi lên phía trước.

Dịch thơ

MƯA LÂU

**Một ngày hừng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dậm đường xa.**

NAM TRÂN *dịch*

惜 光 陰 (120)

蒼 天 有 意 挫 英 雄
八 月 消 磨 桎 梏 中
尺 璧 寸 陰 真 可 惜
不 知 何 日 出 牢 籠

Phiên âm

TÍCH QUANG ÂM

*Thương thiên hữu ý tóa anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung;
Xích bích thốn âm chân khả tích,
Bất tri hà nhật xuất lao lung*.*

* Câu thơ này lấy từ một câu trong bài thơ nổi tiếng *Chí thành thông thánh* của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh làm năm 1905, nhằm thức tỉnh sĩ phu hướng ứng phong trào Duy Tân cứu nước.

Dịch nghĩa

TIẾC NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng
Tám tháng đã mòn mỏi trong chốn gông cùm;
Tắc bóng nghìn vàng, thật đáng tiếc,
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù?

Dịch thơ

TIẾC NGÀY GIỜ

**Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tắc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?**

NAM TRÂN *dịch*

讀 蔣 公 訓 詞 (121)

百 折 不 回 向 前 進
孤 臣 孽 子 義 當 然
決 心 苦 幹 與 硬 幹
自 有 成 公 的 一 天

Phiên âm

ĐỘC TƯỞNG CÔNG HUÂN TỪ

*Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,
Cô thân nghịệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.*

Dịch nghĩa

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỚNG*

Trăm nghìn gian khó không lùi, vẫn cứ tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái nghĩa phải như vậy;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Ắt sẽ có một ngày thành công.

Dịch thơ

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỚNG

**Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.**

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

* Ông Tướng: Tức Tướng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

梁華盛將軍 (122)
升任副司令

昔 日 揮 軍 湘 浙 地
今 年 抗 敵 緬 滇 邊
顯 赫 威 名 寒 敵 胆
爲 公 預 訟 凱 旋 篇

Phiên âm

LƯƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN
THĂNG NHẬM PHÓ TƯ LỆNH

*Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Diên biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch dõm,
Vị công dự tụng khái toàn thiên.*

Dịch nghĩa

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH^{*} THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương và Chiết,^{**}
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến và Điện;^{***}
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mặt,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

Dịch thơ

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điện;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mặt,
Khải hoàn mừng trước, xướng thành thiên.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

^{*} *Lương Hoa Thịnh*: là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Không được thăng chức Tư lệnh phó mà Trương Thát Khê làm Tư lệnh trưởng thì Thiếu tướng Hồ Chí Minh thay ông làm chủ nhiệm.

^{**} *Tương*: Tỉnh Hồ Nam; *Chiết*: Tỉnh Chiết Giang.

^{***} *Miến*: Miến Điện; *Điện*: Tỉnh Vân Nam.

贈 小 侯 (海) (123)

幼 而 學 也 壯 而 行
上 忠 黨 國 下 忠 民
儉 勤 勇 敢 和 廉 正
毋 負 梁 公 教 育 情

Phiên âm

TẶNG TIỂU HẦU (HẢI)

*Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hòa liên chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.*

Dịch nghĩa

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với đảng và nước, dưới trung với dân;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

Dịch thơ

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

**Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.**

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

秋 感 (124)

熊 到 山 峰 晚 十 點
蟲 聲 斷 續 慶 秋 來
囚 人 不 管 秋 來 未
只 管 囚 籠 何 時 開

二 (125)

去 歲 秋 初 我 自 由
今 年 秋 首 我 居 囚
倘 能 裨 益 吾 民 族
可 說 今 秋 值 去 秋

Phiên âm

THU CẨM

I

*Hùng đảo sơn phong viễn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thời khai.*

II

*Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù;
Thảng nãg tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.*

Dịch nghĩa

CẨM THU

I

Sao Bắc Đẩu lên đến đỉnh núi đã mười giờ đêm,
Tiếng trùng dứt nổi mừng thu sang;
Người tù chẳng kể thu sang hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù ngày nào mở.

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù;
Ví bằng giúp ích được cho dân tộc,
Thì có thể nói, thu nay cũng sánh ngang thu trước.

Dịch thơ

CẨM THU

I

Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Đế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chữa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.

II

Năm ngoái đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù;
Vĩ bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước thu này, há kém nhau.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

因 肚 餓 (126)

從 前 送 飯 天 天 早
現 在 開 餐 遲 又 遲
況 復 時 間 不 一 定
十 十 一 或 十 二 時

Phiên âm

NHÂN ĐỒ NGÃ

*Tòng tiền tổng phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.*

Dịch nghĩa

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc mười hai giờ.

Dịch thơ

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

NAM TRÂN *dịch*

陳科員來探 (127)

一年只見兵和警
今日看見儒雅人
雅人使我心興奮
我髮黑反兩三分

Phiên âm

TRẦN KHOA VIÊN LAI THẨM

*Nhất niên chỉ kiến binh hòa cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.*

Dịch nghĩa

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THĂM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Dịch thơ

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THĂM

**Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.**

HUỆ CHI dịch

侯主任 (128)
恩贈一部書

頃承主任送書來
讀罷精神覺頓開
領袖偉言如在耳
天邊轟動一聲雷

Phiên âm

HẦU CHỦ NHIỆM^{*}
ÂN TẶNG NHẤT BỘ THƯ

*Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lai,
Độc bãi tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.*

^{*} *Hầu Chủ Nhiệm*: Tức Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Cục Chính trị chiến khu IV, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh của Tưởng Giới Thạch. Được tiếp xúc với Người, ông từng tỏ lòng mến phục.

Dịch nghĩa

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đưa sách đến cho,
Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;
Lời lãnh tụ như còn văng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Dịch thơ

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn văng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.

ĐỖ VĂN HỠ *dịch*

蒙上令 (129)
准出籠活動

久間兩腳軟如綿
今試行行屢欲顛
片刻已聞班長喊
返來不準再遲延

Phiên âm

MÔNG THUỘNG LỆNH
CHUẨN XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG

*Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,
Kim thí hành hành lữ dục điên;
Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:
"Phản lai, bất chuẩn tái trì diên".*

Dịch nghĩa

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nhàn rồi lâu ngày, hai chân mềm như bông,
Nay mới đi thử vài bước đã lão đảo mấy lần chực ngã;
Chốc lát đã nghe Ban trưởng quát:
"Quay lại! Không được dềnh dàng nữa!".

Dịch thơ

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
Chốc lát đã nghe cai ngục quát:
"Không dềnh dàng nữa, phải vào ngay!".

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

秋 夜 (130)

門	前	衛	士	執	槍	立
天	上	殘	雲	傍	月	飛
木	虱	縱	橫	如	坦	克
蚊	蟲	聚	散	似	飛	機
心	懷	故	國	千	塘	路
夢	繞	新	愁	萬	縷	絲
無	罪	而	囚	已	一	載
老	夫	和	淚	寫	囚	詩

Phiên âm

THU DẠ

*Môn tiên vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi;
Mộc sắt tung hoành như thản khắc*,
Mân trùng tỵ tán tự phi ky (cơ);
Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ**,
Mộng nhiều tâm sâu, vạn lữ tị;
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hòa lệ tả tù thi.*

* *Thản khắc*: Phiên âm tiếng Anh "tank" là xe tăng.

** Trong câu này có ba chữ "thiên đường lộ" trong đó chữ "đường" là một đơn vị có chiều dài tính đường đi của Quảng Tây. Mỗi "đường" là một dặm. Do đó cụm từ này có nghĩa là đường xa hàng nghìn dặm, chứ không phải là muôn nghìn nẻo đường.

Dịch nghĩa

ĐÊM THU

Trước cửa lính gác bông súng đứng,
Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng;
Lũ rệp bò ngồn ngang như xe tăng,
Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;
Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,
Giấc mộng vẫn vương mối sầu mới như vụn mối tơ;
Vô tội mà ở tù đã một năm nay,
Già này hòa nước mắt viết thơ tù.

Dịch thơ

ĐÊM THU

**Trước cửa lính canh bông súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây;
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.**

NAM TRẦN *dịch*

晴天 (131)

事物循環原
有晴天必解
淋錦帶爭興
自定天服毡
笑言奮然
雨天之宇後
宙山河清潤
物來
萬里山風枝
萬甘
日暖高枝萬
甘
樹人和盡
苦

Phiên âm

TÌNH THIÊN

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cảm chiêm;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điều tranh nghiên (ngôn);
Nhân hòa vạn vật đồ hưng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.*

Dịch nghĩa

TRỜI HƯNG

Sự vật vẫn xoay vần định sẵn,
Sau ngày mưa tạnh đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt,
Muôn dặm non sông phơi màu chần gấm;
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chím cười,
Cây cao, cành mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn,
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

Dịch thơ

TRỜI HƯNG

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hửng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cành tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phới,
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

NAM TRÂN *dịch*

看 “ 千 家 詩 ” 有 感 (132)

古 詩 偏 愛 天 然 美
山 水 烟 花 雪 月 風
現 代 詩 中 應 有 鐵
詩 家 也 要 會 衝 鋒

Phiên âm

KHÁN "THIÊN GIA THI" HỮU CẢM

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,
Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.*

Dịch nghĩa

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"*

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên nhiên,
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió;
Trong thơ thời nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Dịch thơ

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

NAM TRÂN dịch

* *Thiên gia thi*: Tập thơ của "nghìn nhà thơ". Ở Trung Quốc có hai tuyển tập thơ Đường - Tống được mang tên "*Thiên gia thi*". Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển*, tập sau do Tạ Phương Bắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi*. Có lẽ Hồ Chí Minh đã đọc tập thơ sau này.

即景 (133)

樹稍巧畫張飛像
赤日長明關羽心
祖國終年無信息
故鄉每日望回音

Phiên âm

TỨC CẢNH

*Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

Dịch nghĩa

TỨC CẢNH

Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi*
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ**;
Tổ quốc suốt năm không tin tức,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Dịch thơ

TỨC CẢNH

**Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.**

NAM TRÂN *dịch*

*. ** Trương Phi và Quan Vũ là hai danh tướng nhà Thục Hán đời Tam quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh. Quan Vũ nổi tiếng về các đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

結 論 (134)

幸 遇 英 明 侯 主 任
而 今 又 是 自 由 人
獄 中 日 記 從 今 止
深 謝 侯 公 再 造 恩

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

Phiên âm

KẾT LUẬN

*Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;
Ngục trung nhật ký tòng kim chí,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.*

Hoàn

29-8-1942; 10-9-1943

Dịch nghĩa

KẾT LUẬN

May mắn được gặp Chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Hết

29-8-1942 ; 10-9-1943

Dịch thơ

KẾT LUẬN

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm,
Tự do trở lại với mình rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

Hết

29-8-1942 ; 10-9-1943
KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

新出獄學登山 (135)

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

Phiên âm

TÂN XUẤT NGỤC, HỌC ĐĂNG SƠN*

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

* Bài thơ này nguyên không có đầu đề, cũng không có trong tập *Ngục trung nhật ký*, vì được sáng tác sau khi tác giả đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện Văn học có bút tích của chính tác giả viết đầu đề này gửi cho Tiểu ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy, có thể đây là đầu đề do tác giả mới đặt về sau.

Dịch nghĩa

MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Mây ôm đầy núi, núi ôm mây,
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh núi Tây Phong
Trông về phía trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Dịch thơ

MỜI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Mây ôm núi núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.

T. LAN *dịch*^{*}

^{*} Bản dịch này của T.Lan in trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. In lần thứ hai, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 84.

Phần II

NHỮNG BÀI THƠ KHÁC

QUỐC TẾ CA^{*}

Diệp khúc:

Trận này là trận cuối cùng
Ầm ầm đoàn lực, ùng ùng đảng cơ.
lanhtécnaxiônanlơ
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.

Đoạn I

Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này đã đổi ra,
Xưa kia con ở nay là chủ ông!

^{*} Nguyễn Công Thu, Vương Thúc Oanh, Phan Trọng Bình và Phan Trọng Quảng, những người này học ở Quảng Châu đã xác nhận được hát bài này từ năm 1926. Bản chữ ký xác nhận, lưu tại Bảo tàng cách mạng.

Đoạn II

Công nông ta có đảng to,
Có nhờ ta mới có kho có tài.
Trời sinh đất đẻ cho người,
Những đồ lười biếng thì mời đi đi,
Những đồ ăn xổi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!

Đoạn III

Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật chẳng nhờ thần linh.
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!

Dịch năm 1925

Theo bài in trong sách *Thơ ca cách mạng 1925-1945*
Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 111-112.

PÁC BÓ² HÙNG VĨ

Non xa xa, nước xa xa.
Nào phải thêm thang mới gọi là.
Đây suối Lênin, kia núi Mác.
Hai tay xây dựng một sơn hà.

Tháng 2 năm 1941

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.9.

TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.10

* Hồi ở Pác Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* ra tiếng Việt làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng.

KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP³

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt
Làm dân ta như điếc, như mù,
Làm ta dờ dại dờ ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian:
Cho ta biết kết đoàn tổ chức.
Cho ta hay sức lực của ta
Cho ta biết chuyện gần xa.
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối,
Ắt phải xem báo ấy mới nên;
Giúp cho báo ấy vững bền.
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!

Báo Việt Nam độc lập
số 101, ngày 1-8-1941

VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

"Việt Nam độc lập" thổi kèn loa.
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Đề cùng nhau cứu nước Nam ta!

Báo *Việt Nam độc lập*
số 103, ngày 21-8-1941

* Bài thơ này đặt dưới bức tranh cổ động cho báo *Việt Nam độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh vẽ, in trên báo *Việt Nam độc lập*.

DÂN CÀY

Thương ôi! những kẻ dân cày,
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao,
Lại còn thuế nặng sưu cao.
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày,
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.
Lại còn phu dịch, tàn phiến.
Làm chết xác được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu.
Cái phần no ấm có đâu đến mình!
Muốn phá sạch mọi bất bình,
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào.
Để cùng toàn quốc đồng bào,
Đánh Pháp, Nhật, gây phong trào tự do.
Nhịp này là nhịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện chương trình:
Việt Nam nông dân tất canh kỳ điền*

Báo Việt Nam độc lập
số 103, ngày 21-8-1941.

* Nghĩa là theo Chương trình Việt Minh, nông dân ai cũng có ruộng cày.

PHỤ NỮ

Việt Nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu rạng tiếng Bà Trưng,
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Âu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.
Mấy năm cách mệnh khăn trương,
Chị em phụ nữ thường thường tham gia.
Mấy phen tranh đấu xông pha,
Lòng vàng gan sắt nào đã kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai
Bị làm án tử đến hai ba lần.
Bây giờ cơ hội đã gần,
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân nước nhà.
Chị em cả trẻ đến già
Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh.
Đua nhau vào hội Việt Minh
Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.
Làm cho thiên hạ biết tên
Làm cho rõ mặt cháu Tiên, con Rồng.

Báo Việt Nam độc lập
số 104, ngày 1-9-1941

TRẺ CON

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan,
Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng.
Học hành, giáo dục đã không,
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
Sức còn yếu, tuổi còn thơ,
Mà đã khó nhọc cũng như người già!
Có khi lìa mẹ, lìa cha,
Đi ăn ở với người ta bên ngoài.
Vì ai mà đến thế này?
Vì giặc Nhật với giặc Tây bạo tàn!
Khiến ta nước mất, nhà tan,
Trẻ em cũng phải cơ hàn xót xa.
Vậy nên con trẻ nước ta
Phải *đoàn kết* lại đặng mà đấu tranh!
Kẻ lớn *cứu quốc* đã đành,
Trẻ em cũng phải ra dành một vai.
Bao giờ đánh đuổi Nhật, Tây,
Trẻ em ta sẽ là bấy con cưng.

Báo Việt Nam độc lập
số 106, ngày 21-9-1941

CÔNG NHÂN

Thành ai đắp, lâu ai xây?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu của cải kho tàng,
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen,
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.
Lại còn đánh chửi tàn phiến,
Cúp lương thối trước, phạt tiền hôm qua.
Càng nghĩ lại, càng xót xa,
Vì ta mất nước, mà ta phải hèn
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thẳng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào hội Việt Minh,
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà,
Của ta ta giữ, công ta ta làm.

Báo Việt Nam độc lập số 108,
ngày 11-10-1941



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo chính trị tại
Hội nghị Chính trị đặc biệt (27/3/1964)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH⁴

Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền:
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Hợp hành, đi lại, có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn.
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.

Gặp khi tai nạn bất ngờ,
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ, bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phi nguyên.
Nào là những kẻ chức viên,
Cải lương đãi ngộ cho yên tấm lòng.
Binh lính giữ nước có công,
Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nhô.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.

Muôn cho đạt mục đích này,
Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rời ra sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Năm 1941

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, Tr. 14-16.

CA BINH LÍNH

Hai tay cầm khẩu súng dài,
Nhắm đi nhắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây,
Lũ cướp nước, lũ đọa đầy dân ta,
Lũ không yêu trẻ, kính già,
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà xôn xao,
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao,
Lũ đi vợ vét đồng bào Việt Nam.
Bắn được chúng, chết cũng cam,
Vì mình dù chết, nước Nam vẫn còn!
Hay vì chút lợi cón con,
Cái bằng cứu phẩm, cái lon đội nhì,
Nhắm vào cách mạng bắn đi,
Quản chi nhân nghĩa, quản chi giống nòi!
Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam;
Việc chi lợi nước thì làm,
Cứu dân cứu quốc há cam kém người!
Trong tay đã sẵn súng này,
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.
Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh:
"Việt binh cứu quốc" rạng danh muôn đời!

*Báo Việt Nam độc lập,
số 110, ngày 1-11-1941*

CA ĐỘI TỰ VỆ

I

Gươm dao ta
Đem mài đi
Mài cho bén
Mài cho sắc
Nhật ta đâm
Tây ta chặt.

II

Sắp hàng ra
Xung phong lên!
Người ta đông.
Chí ta bền
Việc giải phóng
Nhất định nên.

Cách hát:

- Chia người làm 2 tổ, 4 câu trên, tổ A hát trước, hát giọng cao (nếu có phụ nữ thì phụ nữ là tổ A); tổ B hát giọng thấp theo sau. Những chữ BÉN, SẮC, ĐÔNG, BỀN phải hát dài như BE - ÉN, SA - SẮC, Đ - ÔNG, BÊ - ÈN.
 - Hai câu sau cùng thì cả tổ đều hát với nhau. Chữ CHẶT và NÊN phải hát rất mạnh
- Ví dụ: Tổ A hát: Gươm dao ta.
Tổ B hát: Gươm đào tà.

Báo Việt Nam độc lập,
số 117, ngày 1-2-1942.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hòa.
Hồng Bàng là tổ nước ta.
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con *Phù Đổng* tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.
An Dương Vương thế *Hùng Vương*,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.
Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam,
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam.
Dân ta há dễ chịu làm tôi người?
Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.
Tĩnh Thanh Hóa có một bà,
Tên là *Triệu Ẩu* tuổi vừa đôi mươi,
Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương.

Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
 Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời,
 Kể gần sáu trăm năm giờ,
 Ta không đoàn kết bị người tính thôn*.
 Anh hùng thay ông *Lý Bôn*,
 Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
 Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
 Lập nên triều *Lý* sáu mươi năm liền.
 Vì *Lý Phật Tử* ngu hèn,
 Để cho tàu lại xâm quyền nước ta.
 Thương dân cực khổ xót xa,
 Ông *Mai Hắc Đế* đứng ra đánh Tàu,
 Vì dân đoàn kết chưa sâu,
 Cho nên thất bại trước sau mấy lần.
Ngô Quyền quê ở Đường Lâm,
 Cứu dân ra khỏi cát lầm ngàn năm.
 Đến hồi Thập nhị sứ quân**
 Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn.
 Động Hoa Lư có *Tiên Hoàng*,
 Nổi lên gây dựng triều đình họ Đinh.
 Ra tài kiến thiết kinh dinh,
 Đến vua *Phế Đế* chỉ kinh hai đời.
Lê Đại Hành nổi lên ngôi.
 Đánh tan quân Tống, đuổi lui *Xiêm Thành*.

* Tính thôn là nuốt sống. (Chú thích đánh số có kèm theo * là của nguyên bản).

** 12 tướng nổi lên giữ 12 vùng.

Vì con bạo ngược hoành hành,
Ra đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công Uẩn là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hóa nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý Thường Kiệt là hiền thần,
Đuổi quân nhà Tống, phá quân Xiêm Thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mười sáu năm giờ thì tan.
Nhà Trần thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài,
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài:
Đánh đâu được đấy, đông dài Á, Âu,
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thùi,
Hải quân theo bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nen*
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông *Trần Hưng Đạo* cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang,
Mệnh mông một dải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng dòng quang vinh,

* Nen: Trong bản in lần thứ hai sửa thành nê.

Hai lần đại phá Nguyên binh,
 Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quốc Toản là trẻ có tài,
 Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền,
 Máy lần đánh thắng quân Nguyên,
 Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
 Thật là một đấng anh hùng,
 Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo.
 Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
 Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
 Mười hai đời được hiển vinh,
 Đến Trần Phế Đế nước mình suy vi.
 Cha con nhà *Hồ Quý Ly*,
 Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
 Tình hình trong nước không yên,
 Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu,
 Bao nhiêu của cải trên châu,
 Chúng vơ vét chở về Tàu sạch trơn.
Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn,
 Mặc dầu tướng ít binh đơn không nản.
 Máy phen sông Nhị núi Lam,
 Thanh gươm yên ngựa Bắc Nam ngang tàng.
 Kia Túc Động nọ Chi Lăng,
 Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
 Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
 Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
 Vì dân hăng hái kết đoàn,
 Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.

Vua hiền có *Lê Thánh Tôn*,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.
Trăm năm truyền đến cung hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi
Bấy giờ trong nước lồi thoi,
Lê Nam, Mạc Bắc rạch đôi san hà,
Bảy mươi năm nạn can qua^{*}
Cuối đời mười sáu^{**} Mạc đà suy vi
Từ đời mười sáu^{**} trở đi,
Vua Lê, chúa Trịnh chia vì khá lâu^{***}
Nguyễn Nam, Trịnh Bắc đánh nhau,
Thấy dân cực khổ mà đau đón lòng.
Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em *Nguyễn Nhạc* nổi vùng Tây Sơn,
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh, Nguyễn, cứu dân đảo huyện^{****}
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu,
Ông đà chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.

* Can qua là chiến tranh.

** Thế kỷ XVI.

** Thế kỷ XVI.

*** 216 năm.

**** Trao ngược.

Tướng Tây Sơn có một bà,
 Búi là nguyên họ, tên là *Thị Xuân*,
 Tay bà thống đốc ba quân,
 Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.
Gia Long lại dấy can qua,
 Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.
 Tự mình đã chẳng có tài,
 Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
 Nay ta mất nước thế này,
 Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà,
 Khác gì cồng rắn cắn gà,
 Rước voi dấy mã, thiệt là ngu si.
 Từ năm Tân Hợi trở đi,
 Tây đà gây chuyện thị phi* với mình.
 Vậy mà vua chúa triều đình,
 Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan.
 Nay ta nước mất nhà tan
 Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
 Năm Tự Đức thập nhất niên**,
 Nam Kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.
 Hăm lăm năm sau trận này,
 Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan,

* Thị phi là lời thôi.

** *Tự Đức thập nhất niên* là năm 1858. Đó là năm thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trong phần *Những năm quan trọng*, có ghi "*Năm 1847... Tây bắt đầu đánh ta*". Ở đây, tác giả nói đến sự kiện hai chiến hạm Pháp vào vùng biển Đà Nẵng đã ngang nhiên bắn đắm mấy chiến thuyền Việt Nam.

Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạn cùng tuyết sương.
Hoàng Diệu với *Nguyễn Tri Phương*,
Cùng thành còn mất làm gương để đời.
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lầy lừng;
Trung Kỳ đảng *Phan Đình Phùng*
Ra tay đánh Pháp, vẫy vùng một phương.
Mấy năm ra sức *Cần Vương**,
Bọn ông *Tán Thuật* nổi đường *Hung Yên*,
Giang san độc lập một miền,
Ông *Hoàng Hoa Thám* đất *Yên* tung hoành.
Anh em *khố đỏ, khố xanh*,
Mưu khởi nghĩa tại *Hà thành* năm xưa,
Tỉnh *Thái Nguyên* với *Sầm Nưa*,
Kế nhau khởi nghĩa rủi chưa được toàn.
Kìa *Yên Bái*, nọ *Nghệ An*
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây.
Bắc Sơn đó, *Đô Lương* đây!
Kéo cờ khởi nghĩa đánh Tây bạo tàn.

* *Cần Vương* là giúp vua *Hàm Nghi* đánh Tây.

Xét trong lịch sử Việt Nam,
 Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
 Nhiều phen đánh bắc dẹp đông,
 Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.
 Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
 Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
 Để người đẽ nén, xem khinh,
 Để người bóc lột ra tình tôi người!
 Bây giờ Pháp mất nước rồi,
 Không đủ sức, không đủ người trị ta.
 Giặc Nhật Bản thì mới qua,
 Cái nền thống trị chưa qua mỗi nhà.
 Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, Anh,
 Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà.
 Ấy là nhíp tốt cho ta,
 Nổi lên khôi phục nước nhà tô tông.
 Người chúng ít, người mình đông
 Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.
 Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
 Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
 Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
 Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
 Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
 Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.
 Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, Ấy là công danh.
 Chúng ta có hội *Việt Minh*
 Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh

Mai sau sự nghiệp hoàn thành
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng
Dân ta xin nhớ chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG*

Trước Tây lịch

Năm

2879	Hồng Bàng
111	Tàu lấy nước ta lần đầu

Sau Tây lịch

40	Hai Bà Trưng đánh Tàu
248	Bà Triệu Âu khởi nghĩa
544	Vua Lý đánh Tàu
603	Tàu lấy nước ta.
939	Vua Ngô khởi nghĩa
968	Đời Vua Đinh (12 năm)
981	Đời Vua Tiên Lê (29 năm)
1010	Đời Vua Hậu Lý (215 năm)
1073	Lý Thường Kiệt đánh Tàu
1225	Đời Vua Trần (175 năm)
1283	Trần Hưng Đạo đánh Tàu

* In theo đúng nguyên bản.

1407	Tàu lấy nước ta
1427	Vua Lê khởi nghĩa
1543	Đời Vua Hậu Lê (360 năm)
1545	Vua Lê Chúa Trịnh
1771	Đời Vua Tây Sơn (24 năm)
1789	Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu
1794	Gia Long thông với Tây
1847	Tây bắt đầu đánh nước ta
1862	Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây
1889	Ông Đề Thám khởi nghĩa
1893	Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa
1916	Trung Kỳ khởi nghĩa
1917	Thái Nguyên, Sầm Nưa khởi nghĩa
1930	Yên Bái, Nghệ An khởi nghĩa
1940	Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa
1941	Nam Kỳ khởi nghĩa
1945	Việt Nam độc lập*

Tài liệu gốc lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

* Năm 1945 là tác giả đoán trước.

CA SỢI CHỈ

Mẹ tôi là một đóa hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái *bông*.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành *chỉ* rồi,
Cũng còn yếu lắm, ăn ngồi không ngon,
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khôn thiêng có biết vuông tròn cho chẳng!
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng!
Nhờ tôi có nhiều đồng bang,
Hợp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Dệt nên tấm lụa mỹ miều,
Đã bền hơn lụa, lại điều^{1*} hơn da
Đó ai bút xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.

*

* *

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh hội ấy mau mau phải vào.

Báo Việt Nam độc lập,
số 122, ngày 1-4-1942.

^{1*} *Điều*, có nghĩa là được tiếng.

HÒN ĐÁ

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Chỉ một người,
Nhắc không đặng.

Hòn đá nặng,
Hòn đá bền,
Chỉ ít người,
Nhắc không lên.

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Nhiều người nhắc,
Nhắc lên đặng.

Biết đồng sức,
Biết đồng lòng,
Việc gì khó,
Làm cũng xong.

Đánh Nhật, Pháp,
Giành tự do,
Là việc khó,
Là việc to.

Nếu chúng ta
Biết đồng lòng
Thì việc đó
Quyết thành công.

Báo Việt Nam độc lập,
số 123, ngày 21-4-1942.

上山

六 月 二 十 四
上 到 此 山 來
舉 頭 紅 日 近
對 岸 一 支 梅

Phiên âm

THƯỜNG SƠN

*Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thường đảo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.*

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa

LÊN NÚI

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Lên đến núi này.
Ngẩng đầu thấy mặt trời đỏ gần lại,
Bờ bên kia có một nhành mai.

Lũng Dê, 1942

*Dịch thơ**

LÊN NÚI

**Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối một nhành mai.**

Theo bài in trong: *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr.14

* Bản dịch thơ của Tố Hữu

CON CÁO VÀ TỔ ONG

Tổ ong lũng lảng trên cành,
Trong đây mật nhộng, ngon lành lắm thay!
Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho dòn.
Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.

*

Ong kia yêu giống, yêu nòi,
Đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,
Ong còn đoàn kết, huống chi là người!
Nhật, Tây áp bức giống nòi,
Ta nên *đoàn kết* để đòi tự do.

Báo Việt Nam độc lập,
số 130, ngày 1-7-1942.

TẶNG THỐNG CHẾ PÊTANH

Vận mệnh Lang Sa* lúc chẳng lành,
Pêtanh lão tướng hóa hôi tanh,
Cúi đầu, quỳ gối, hàng quân Đức,
Trợn mắt, nhăn mày, chửi nước Anh.
Bán nước lại còn khoe cứu nước,
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm đại,
Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh.

Báo Việt Nam độc lập,
số 131, ngày 11-7-1942.

* Nước Pháp.

NHÓM LỬA

Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa,
Biết bao nhiêu là sự khó khăn?
Chỉ đều hiu một mảy gió xuân,
Cũng lo sợ lửa khi tắt mất.
Nghỉ ngút khói, mặc dầu thôi quạt,
Che một bên lại tạt một bên,
Khi lửa đà chắc chắn bén lên,
Thì mưa gió, chi chi cũng cháy.
Mưa lún phún, lửa càng nóng nảy,
Gió càng cao, ngọn lửa càng cao.
Núi rừng đều bén, cháy ào ào,
Lửa nung đỏ, cả giới sáng tóe.

Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, bọn quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như tòa núi lửa,
Sẽ rầm rầm như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lá cờ độc lập, tự do!

Báo Việt Nam độc lập,
số 133, ngày 1-8-1942

TẶNG TOÀN QUYỀN ĐỒ CU

Non nước Rộng Tiên rõ mịt mù,
Lợi quyền phó mặc bố thằng Cu.
Đối dân Nam Việt thì lên mặt,
Gặp bọn Phù Tang chỉ đội khu!*

Về Pháp, không cơm e chết đói,
Ở đây, hút máu béo ni-nu.
Cũng như thống chế Pêtanh vậy,
Chứ cứ cu cù được mãi ru!

Báo Việt Nam độc lập,
số 134, ngày 11-8-1942.

* Đội khu: là đội đít, Phù Tang là Nhật.

CHƠI GIĂNG

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi giảng,
Sẵn nhả vài câu hỏi chị Hằng:
"Non nước tôi bởi sao vậy nhỉ?
Nhân dân cực khổ biết hay chăng?
Khi nào kéo được quân anh dũng,
Để dẹp cho tàn bọn nhỏ nhăng?
Nam Việt bao giờ thì giải phóng
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng?"

*

Nguyệt rằng: "Tôi kính trả lời ông:
Tôi đã từng soi khắp núi sông,
Muốn biết tự do chầy hay chóng,
Thì xem tổ chức khắp hay không.
Nước nhà giành lại nhờ tài sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mệnh chóng thành công".

Báo Việt Nam độc lập,
số 135, ngày 21-8-1942.

TRẺ CHĂN TRÂU

Trên đồi cỏ mọc xanh xanh,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa,
Trâu bò lũ bảy, lũ ba,
Ven đồi chen chúc bụi già, cỏ non.
Chăn trâu mấy trẻ con con,
Cùng nhau xướng hát véo von trên gò:
"Vì ai, ta chẳng ấm no?
Vì ai, ta đã phải lo cơ hàn?
Vì ai, cha mẹ nghèo nàn?
Vì ai, nhà cửa, giang san tan tành?
Vì ai, ngăn cấm học hành?
Vì ai, ta phải chịu vònh dốt ngây?
- Ấy là vì Nhật, vì Tây
Ra tay vợ vết, đọa đầy chúng ta;

Làm ta tan cửa, nát nhà,
Trẻ con vất vả, người già đắng cay.
- Cùng nhau đánh đuổi Nhật, Tây.
Anh em ta mới có ngày vinh hoa.
"Nhi đồng Cứu quốc" Hội ta,
Ấy là lực lượng, ấy là cứu sinh.
Ấy là bộ phận Việt Minh,
Dân mình khắc cứu dân mình mới xong".

*

* *

Ai nghe mà chẳng động lòng,
Khá thương con trẻ mục đồng Việt Nam.

Báo Việt Nam độc lập,
số 144, ngày 21-11-1942.

BÀI CA DU KÍCH

Ào, ào, ào...

Ào, ào, ào...

Già nào,

Trẻ nào,

Lính nào,

Dân nào,

Đàn ông nào,

Đàn bà nào!

Kẻ có súng dùng súng,

Kẻ có dao dùng dao;

Kẻ có cuốc dùng cuốc,

Người có cào dùng cào,

Thấy Tây cứ chém phứa,

Thấy Nhật cứ chặt nhào.

Chúng nhiều là mấy vạn,

Mình mấy triệu đồng bào.

Chúng đường xa mỗi mệt,

Mình "dĩ dật đãi lao".

Làm cho chúng mòn mỏi,
Làm cho chúng tiêu hao.
Chúng nhất định thất bại
Mình sức càng dồi dào
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Du kích ngày càng mạnh
Du kích ngày càng cao.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...

Năm 1942

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 42-43

TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRUNG

Vở này ta tặng cháu yêu ta,
Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.
Mong cháu ra công mà học tập,
Mai sau cháu giúp nước non nhà.

Năm 1944

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 47.

CẢM ƠN NGƯỜI TẶNG CAM

Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai*?

Tháng 1 năm 1946

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 48.

* *Khổ tận cam lai*: Hết đắng cay sẽ đến ngọt bùi.

THƠ TẶNG CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

Bác mong các cháu “cho ngoan”,
Mai sau gìn giữ giang san Lạc – Hồng.
Sao cho nổi tiếng Tiên – Rồng,
Sao cho tỏ mặt nhi đồng Việt Nam.

Ngày 10 tháng 4 năm 1946

Báo Cứu quốc, số 239,
Ngày 14-5-1946.

THƠ KHEN TẶNG HAI EM
NHI ĐỒNG LIÊN LẠC
TRONG BỘ ĐỘI CHIẾN KHU II*

Gửi cháu Phạm Đỗ Hải

Bác được tin rằng:
Cháu làm liên lạc,
Bị giặc bắt được,
Lại trốn thoát ngay.
Mang hai lính Tây
Theo về bộ đội
Thế là cháu giỏi.
Biết cách tuyên truyền.
Bác gửi lời khen.
Khuyên cháu gắng sức,
Học hành, công tác,
Tiến bộ luôn luôn.
Gửi cháu cái hôn,
Và lòng thân ái.

Tháng 8 năm 1947

* Khu II trong kháng chiến chống Pháp gồm các tỉnh (cũ): Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu (B. T.)

THƠ TẶNG BA CỤ LÃO DU KÍCH Ở CAO BẰNG*

Tuổi cao chí khí càng cao,
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu.
Sẵn sàng tiêu diệt quân thù,
Tiếng thom Việt Bắc ngàn thu lấy lòng.

Năm 1947

Theo bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, tr. 200.

* Nhân năm 1947, có ba cụ lão du kích ở Cao Bằng hăng hái xung phong cùng nhân dân giết giặc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng các cụ bài thơ trên đây (B.T.).

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Năm 1947

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 51.

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Năm 1947

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 52.

元 宵

今 夜 元 宵 月 正 圓
春 江 春 水 接 春 天
煙 波 深 處 談 軍 事
夜 半 歸 來 月 滿 船

Phiên âm

NGUYỄN TIÊU

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Dịch nghĩa

RẼM THÁNG GIÊNG

Đêm nay, rằm tháng riêng, trăng vừa tròn,
Nước sông xuân tiếp liền với màu trời xuân.
Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, thuyền trở đầy ánh trăng.

Dịch thơ

RẼM THÁNG GIÊNG

**Rẻm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền***

Tháng 2 năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 175, tr. 103-104.

* Bản dịch của Xuân Thủy (B. T)

贈 武 公

我 中 孝 忠 慰 公 句 功
尋 言 盡 盡 欣 思 一 成
公 一 願 願 我 我 只 必
里 感 民 國 來 去 公 戰
千 百 事 事 公 公 贈 抗

Phiên âm

TẶNG VÕ CÔNG

*Thiên lý công tâm ngã,
Bích cảm nhất ngôn trung!
Sự dân nguyện tận hiếu,
Sự quốc nguyện tận trung.
Công lai ngã hân hỉ,
Công khứ ngã tư công.
Tặng công chỉ nhất cú:
"Kháng chiến tất thành công".*

Dịch nghĩa

TẶNG CỤ VÕ

Đường xa, nghìn dặm cụ đến tìm tôi,
Biết bao tình cảm ngụ trong một lời nói!
Thờ dân mong sao hết đạo hiếu,
Thờ nước mong sao hết đạo trung.
Cụ đến, tôi mừng rỡ,
Cụ về, tôi lại nhớ cụ.
Chỉ xin tặng cụ một câu này:
"Kháng chiến nhất định thành công".

Dịch thơ

TẶNG CỤ VÕ

Ngàn dặm cụ tìm đến,
Một lời trăm cảm thông!
Thờ dân tròn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung.
Cụ đến tôi mừng rỡ,
Cụ đi, tôi nhớ nhung.
Một câu xin tặng cụ:
"Kháng chiến ắt thành công"

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 113-114

贈裴公

看書山鳥栖窗杆
批札春花照硯池
捷報頻來勞驛馬
思公即景贈新詩

Phiên âm

TẶNG BÙI CÔNG

*Khán thư sơn điểu thê song hãn,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiễn trì,
Tiệp báo tần lai lao dịch mã,
Tư công tức cảnh tặng tân thi.*

Dịch nghĩa

TẶNG CỤ BÙI

Khi xem sách, chim rừng đậu ở song cửa sổ,
Lúc phê công văn, đóa hoa xuân soi bóng trong nghiên mực.
Luôn luôn phải về báo tin thắng trận, con ngựa trạm cũng vất vả.
Nhớ cụ, vừa tức cảnh thành bài thơ gửi tặng cụ.

Dịch thơ

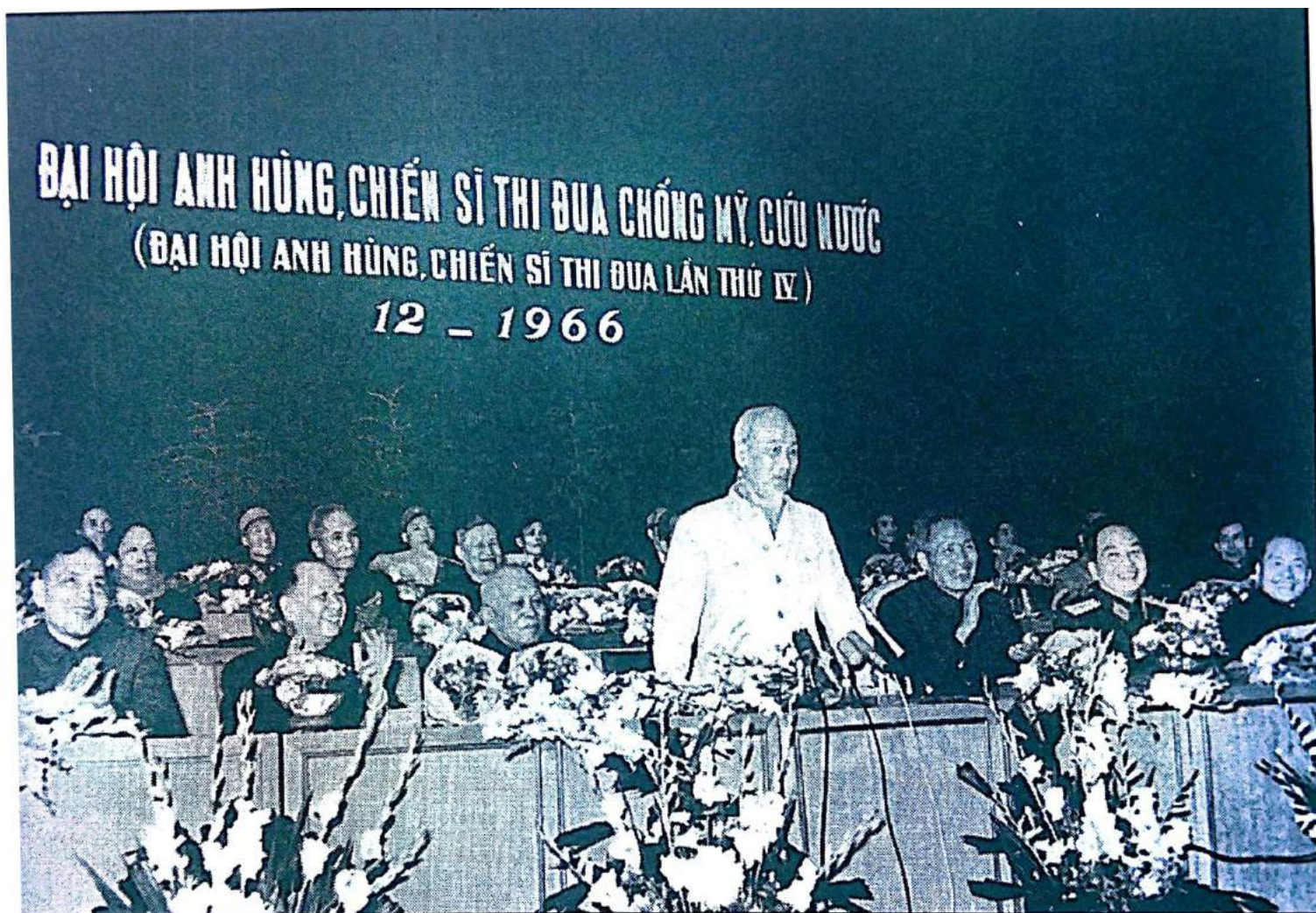
TẶNG CỤ BÙI

**Xem sách, chim rùng vào cửa đậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa,
Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 107-108



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại lễ khai mạc Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua (30/12/1966)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

秋 夜

籌 劃 更 深 漸 得 閑
秋 風 秋 雨 報 秋 寒
忽 聞 秋 笛 山 前 響
游 擊 歸 來 酒 未 殘

Phiên âm

THU DẠ

*Trù hoạch canh thâm tiệp đắc nhàn,
Thu phong thu vũ báo thu hàn.
Hốt văn thu địch sơn tiền hưởng,
Du kích quy lai tửu vị tàn.*

Dịch nghĩa

ĐÊM THU

Bàn tính công việc, mãi đến canh khuya mới tạm được nghỉ ngơi,
Mưa gió mùa thu báo tin tiết thu lạnh đã đến.
Chợt nghe tiếng sáo thu từ phía trước núi vọng lại,
Bộ đội, du kích vừa về, cuộc rượu chưa tàn.

Dịch thơ

ĐÊM THU

**Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi.
Còi thu bỗng rúc vang từng núi,
Du kích về thôn, rượu chữa vơi.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 110-111.

報捷

月推窗問詩成未
軍務仍忙未做詩
山樓鐘響驚秋夢
正是聯區報捷時

Phiên âm

BÁO TIỆP

*Nguyệt thôi song vấn: - Thi thành vị?
- Quân vụ nhưng mang vị tố thi.
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,
Chính thị Liên khu báo tiếp thì.*

Dịch nghĩa

TIN THẮNG TRẬN

Trăng đầy cửa sổ hỏi: - Thơ xong chưa?

- Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được.

Bỗng tiếng chuông ở lầu trên núi khua tỉnh giấc mộng đêm thu,
Vừa hay là lúc có tin thắng trận ở Liên khu báo về.

Dịch thơ

TIN THẮNG TRẬN

**Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau,
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.
Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 106.

KHÔNG ĐỀ*

Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già.
Chờ cho kháng chiến thành công đã,
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.

Năm 1949

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 58.

* Nhân ngày 19-5-1949, nhiều ý kiến đề nghị tổ chức Lễ mừng thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã trả lời bằng mấy câu thơ trên đây (B.T).

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bàn hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.

Viết ngày 18-8-1949

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 59.

離 北 京

冀 北 天 心 懸 皓 月
心 隨 皓 月 共 悠 悠
皓 月 誰 分 爲 兩 半
半 隨 舊 友 半 征 夫

Phiên âm

LY BẮC KINH*

*Ký Bắc thiên tâm huyền hạo nguyệt,
Tâm tùy hạo nguyệt cộng du du.
Hạo nguyệt thùy phân vi lưỡng bán?
Bán tùy cựu hữu, bán chinh phu.*

11-3-1950

* Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật đi thăm Trung Quốc và Liên Xô. Ngày 11-3-1950, Người rời Bắc Kinh. Trên đường về nước, Người đã sáng tác chùm thơ này.

Dịch nghĩa

RỜI BẮC KINH

Giữa lòng trời Ký Bắc treo vàng trăng sáng trắng,
Lòng ta theo trăng sáng cùng man mác.
Vàng trăng sáng kia ai chia làm hai nửa?
Một nửa theo cùng bạn cũ, một nửa soi khách đường trường.

Dịch thơ

RÒI BẮC KINH

**Trời Kỳ Bắc treo vàng trắng rọi,
Lòng theo trắng vời vọi sáng ngời.
Vàng trắng ai xẽ làm đôi?
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lữ hành. ***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

過 湖 北

我 去 田 間 都 白 雪
我 來 田 麥 已 青 青
明 天 機 械 替 木 械
億 兆 農 家 樂 太 平

Phiên âm

QUÁ HỒ BẮC

*Ngã khứ điền gian đô bạch tuyết,
Ngã lai điền mạch dĩ thanh thanh.
Minh thiên cơ giới thế mộc giới,
Ức triệu nông gia lạc thái bình.*

12-3-1950

Dịch nghĩa

QUA HỒ BẮC

Khi ta đi ngoài đồng toàn là tuyết trắng,
Nay ta về lúa mạch ngoài đồng đã xanh xanh.
Ngày mai có cây máy thay thế cho cây gổ,
Ước triệu gia đình nông dân vui hưởng cảnh thái bình.

Dịch thơ

QUA HỒ BẮC

**Đồng ruộng khi đi đầy tuyết trắng,
Nay về lúa mạch đã xanh xanh.
Ngày mai cây máy thay cây gổ,
Ước triệu nhà nông hưởng thái bình. ***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

過 長 沙

長 沙 過 去 是 沙 場
一 塊 樓 臺 一 點 傷
中 國 而 今 已 解 放
長 沙 此 後 免 桑 蒼

Phiên âm

THẬP TAM TẢO, QUÁ TRƯỜNG SA

*Trường Sa quá khứ thị sa trường,
Nhất khối lâu đài nhất điểm thương.
Trung Quốc nhi kim dĩ giải phóng,
Trường Sa thử hậu miễn tang thương.*

13-3-1950

Dịch nghĩa

SỐM MƯỜI BA, QUA TRƯỜNG SA^{*}

Trường Sa ngày trước là bãi sa trường,
Mỗi tòa lâu đài kia là một vết thương.
Ngày nay Trung Quốc đã được giải phóng,
Trường Sa từ nay về sau sẽ thoát khỏi cảnh đời dẫu bề.

^{*} Tỉnh lỵ tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc).

Dịch thơ

SÓM MƯỜI BA, QUA TRƯỜNG SA

**Trường Sa ngày trước chốn sa trường,
Mỗi dãy lâu đài một vết thương.
Trung Quốc ngày nay đã giải phóng,
Trường Sa sẽ hết cảnh tang thương.***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

午 過 遷 江

到 遷 江 說 遷 江
遷 江 江 岸 滿 春 霜
千 輛 敵 車 成 黑 燼
紅 軍 直 到 鎮 南 關

Phiên âm

NGỌ QUÁ THIÊN GIANG

*Đáo Thiên Giang, thuyết Thiên Giang,
Thiên Giang giang ngạn mãn xuân sương.
Thiên lưỡng địch xa thành hắc tận,
Hồng quân trực đáo trấn Nam Quan.*

17-3-1950

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

Đến Thiên Giang thì nói chuyện Thiên Giang
Trên bờ Thiên Giang, sương xuân đã phủ đầy.
Hàng ngàn chiếc chiến xa của địch đều hóa thành tro đen,
Hồng quân tiến thẳng đến Trấn Nam Quan.

Dịch thơ

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

**Đến Thiên Giang kể chuyện Thiên Giang,
Xuân tới bờ sông bát ngát sương.
Xe thù ngàn cổ thành tro xám,
Hong quân thẳng đến Trấn Nam Quan*.**

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

近 龍 州

遠 隔 龍 州 三 十 里
已 聞 炮 響 與 機 聲
越 南 民 眾 真 英 勇
抗 戰 必 勝 建 國 心 成

Phiên âm

CẬN LONG CHÂU

*Viễn cách Long Châu tam thập lý,
Dĩ văn pháo hưởng dĩ cơ thanh.
Việt Nam dân chúng chân anh dũng,
Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành.*

29-3-1950

Dịch nghĩa

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

Cách xa Long Châu ba mươi dặm,
Đã nghe tiếng đại bác vang dội và tiếng máy bay gầm rú.
Dân chúng nước Việt Nam thật là anh dũng,
Kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc nhất định thành công.

Dịch thơ

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

**Còn cách Long Châu ba chục dặm,
Nghe tàu bay rú, pháo gầm rung.
Nhân dân nước Việt anh hùng thật,
Diệt thù, dựng nước ắt thành công*.**

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

SÁU MƯƠI TUỔI

Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khỏe, ngủ khỏe, làm việc khỏe,
Trần mà như thế kém gì tiên!

Năm 1950

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 60.

KHUYÊN THANH NIÊN*

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

Theo bài in trong sách thơ Bác Hồ,
Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 120.

* Trung tuần tháng 9-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch, Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

無題

山徑客來花滿地
叢林軍到鳥沖天
軍機國計商談了
攜桶偕童灌菜園

Phiên âm

VÔ ĐỀ

Sơn kính khách lai, hoa mãn địa,
Tùng lâm quân đáo, điểu xung thiên.
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huê dũng giai đồng quán thái viên.

Dịch nghĩa

KHÔNG ĐỀ

Lúc khách lại, trên đường mòn bên núi, hoa nở đầy mặt đất,
Khi bộ đội đến, trong rừng rậm, đàn chim bay vút lên trời.
Việc nước, việc quân bàn bạc xong,
Xách thùng cùng chú bé ra vườn tưới rau.

Dịch thơ

KHÔNG ĐỀ

**Đường non khách tới hoa đầy,
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.
Việc quân, việc nước đã bàn,
Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau***

*Theo bài in trong sách Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 30 - 31*

* Bản dịch của Xuân Thủy.

思 戰 士

更 深 露 急 如 秋 雨
晨 早 霜 濃 似 海 雲
快 送 寒 衫 給 戰 士
春 光 和 暖 報 新 春

Phiên âm

TƯ CHIẾN SĨ

*Canh thâm lộ chấp như thu vũ,
Thần tảo sương nồng tựa hải vân.
Khoái tống hàn sam cấp chiến sĩ,
Dương quang hòa noãn báo tân xuân.*

Dịch nghĩa

NHỚ CHIẾN SĨ

Đêm khuya, móc rơi dòn dập như mưa thu,
Sáng sớm, sương dày đặc như mây mặt biển.
Mau mau gửi áo rét cho chiến sĩ,
Ánh mặt trời ấm áp đã báo trước tin xuân mới sắp về.

Dịch thơ

NHỚ CHIẾN SĨ

**Đêm khuya móc tựa mưa thu,
Sớm sương dày đặc, mây mù biển dâng.
Mau mau gửi các chiến trường,
Áo cho chiến sĩ trên đường lập công.
Mặt trời tỏa ánh nắng hồng,
Báo tin xuân đến, mùa đông sắp tàn*.**

*Theo bài in trong sách Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 33.*

* Bản dịch của Sóng Hồng.

TẶNG CỤ ĐÌNH CHUÔNG DƯƠNG

Quan san muôn dặm gặp nhau đây,
Mục đích chung là đuổi Nhật, Tây.
Dân bị hai trùng vào một cổ,
Ta liều trăm đắng với ngàn cay.
Già dù yếu sức mang mang nhẹ,
Trẻ cố ra công gánh gánh đây.
Non nước của ta ta lấy lại,
Nghìn thu sự nghiệp nổi từ đây.

Liễu Châu, năm 1943

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 46.

對 月

窗 外 月 明 籠 古 對
月 移 樹 影 到 窗 前
軍 機 國 計 商 談 了
攜 枕 窗 旁 對 月 眠

Phiên âm

ĐỐI NGUYỆT

*Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ,
Nguyệt di thụ ảnh đáo song tiền,
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huê chẩm song bàng đối nguyệt miên.*

Dịch nghĩa

ĐÔI TRĂNG

Ngoài cửa sổ ánh trăng lồng trên cây cổ thụ,
Ánh trăng nhích dần bóng cổ thụ lại trước cửa sổ.
Việc quân, việc nước bàn bạc xong rồi,
Xách gối đến bên cửa sổ, nằm ngủ trước ánh trăng.

Dịch thơ

ĐÔI TRĂNG

**Ngoài song, trăng rọi cây sân,
Ánh trăng nhích bóng cây gần trước song.
Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm***

Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 35.

* Bản dịch của Nam Trân.

登 山

攜 杖 登 山 觀 陣 地
萬 重 山 擁 萬 重 雲
義 兵 壯 氣 吞 牛 斗
誓 滅 豺 狼 侵 略 軍

Phiên âm

ĐĂNG SƠN

*Huề trượng đặng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đẩu,
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.*

1950

Dịch nghĩa

LÊN NÚI

Chống gậy lên núi xem trận địa,
Muôn trùng núi nâng đỡ muôn trùng mây,
Khí mạnh của nghĩa quân ta muốn nuốt cả sao Ngưu, sao Đẩu,
Thề diệt hết quân xâm lược sói lang.

Dịch thơ

LÊN NÚI

**Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu,
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy***

Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 37.

* Bản dịch của Xuân Diệu.

CHẾT VÌ ỒM ĐÒN

Tướng giặc Tátxinhi
Tháng trước về Pari,
Rồi thì nó khai ồm,
Không biết ồm bệnh chi?
Chắc là nó ồm đòn.
Nó chết mất thằng con,
Lại thua luôn mấy trận,
Ruột nó đã héo mòn.
Chiến dịch Quang Trung,
Tát thua lung tung,
Chiến dịch Đê Thám,
Tát thua mặt xám
Trận Lý Thường Kiệt,
Tát thua tê liệt,
Chiến dịch Hòa Bình,

Tát khoe khoang rinh:
"Phen này Pháp thắng,
Thật là hiển vinh!"
Kỳ thực Tát đã
Mất mười ba dinh*
Nội cảm, ngoại thương,
Tát đã óm đòn,
Vì luôn ta thắng,
Tát phải vào hòm.
Nên có thơ rằng:
Tátxinhi, Tátxinhi
Mi đã khôn hồn, mà chết đi!
Con mi đền tội, con mi chết,
Đền tội ngày nay, chết đến mi!

C. B.
Báo Nhân dân, số 42, ngày 24-1-1952.

* Dinh là tiểu đoàn.

MỪNG KÊNH VÔNGA - ĐÔNG HOÀN THÀNH (27-7-1952)

Xưa có câu:

Đào núi và đắp bể,
Luyện đá vá trời xanh,
Việc gì, dù khó mấy,
Quyết chí, ắt làm thành.

Ngày nay:

Chính sách Xtalín
Quyết xây dựng hòa bình,
Và gìn giữ hòa bình,
Tạo phúc cho dân sinh.

Cho nên:

Cuộc thi đua ái quốc
Cuốn toàn dân Xô - Liên,

Công nông và trí thức,
Phụ nữ và thanh niên,
Người người đều thi đua,
Góp sức và góp tiền.
Kết quả là:
Kênh đào Vônga - Đông,
Hôm nay mừng thành công,
Mấy xưởng điện khổng lồ
Tung điện ra khắp vùng*
Kênh hơn bảy trăm dặm**
Rất tiện cho giao thông,
Hăm tám triệu mẫu cát
Thành ruộng cho nhà nông.
Vì vậy:
Nước đã mạnh, thêm mạnh,
Dân đã giàu, càng giàu,
Thái bình và hạnh phúc,
Hưởng mãi muôn đời sau.

* Sức điện của riêng mấy xưởng ấy mạnh gấp rưỡi tổng số sức điện của nước Pháp.

** Dài 758 cây số. (Cả hai chú thích này là của tác giả).

*

* *

Nước ta đang kháng chiến
Để diệt lũ thực dân.
Khi kháng chiến thắng lợi,
Ta xây dựng dần dần.
Liên Xô đã bước trước,
Việt Nam sẽ tiến sau.
Ta ra sức thi đua,
Thành công ắt cũng mau.
Ta mừng Vônga - Đông,
Ta phát ngọn cờ hồng.
Và hô to:
Kháng chiến nhất định thắng lợi!
Kiến quốc nhất định thành công!

C. B.

Báo Nhân dân, số 69, ngày 7-8-1952.

七 九

人 未 五 旬 常 嘆 老
我 今 七 九 正 康 強
自 供 清 淡 精 神 爽
做 事 從 容 日 月 長

Phiên âm

THẤT CỬU

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường.*

1953

Dịch nghĩa:

BẢY CHÍN

Thường người ta chưa đến năm mươi tuổi đã tự than già,
Mình nay sáu mươi ba tuổi vẫn đang khỏe mạnh.
Sống cách thanh đạm tinh thần sáng suốt,
Làm việc thông dong, ngày tháng dài.

1953

Dịch thơ:

SÁU MƯƠI BA TUỔI

Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình vẫn nghĩ là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung*

1953

Viết bằng chữ Hán.
Sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 193 - 194.

* Bản dịch của Xuân Thủy.

THƠ TRUNG THU GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

9 Tết Trung Thu,
8 năm kháng chiến,
Các cháu khôn lớn,
Bác rất vui lòng.

Thu này Bác gửi thơ chung,
Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa,
Thu này hơn những Thu qua,
Kháng chiến thắng lợi gấp ba, bốn lần.

Phát động nông dân,
Cải cách ruộng đất,
Dân đỡ chật vật,
Hăng hái tăng gia.

Xóm gần cho đến làng xa,
No cơm ấm áo, theo đà tiến lên.
Chinh huân, chinh quân,
Bộ đội cố gắng,
Quyết chiến quyết thắng,
Diệt giặc lập công.

Khắp nơi Nam, Bắc, Tây, Đông,
Đưa tin thắng trận cờ hồng tung bay.

Các cháu vui thay!
Bác cũng vui thay!

Thu sau so với Thu này vui hơn.

BÁC HỒ

Báo Nhân dân, số 136, từ ngày 16 đến ngày 20-9-1953.

KẾ HOẠCH NAVA ĐẦU VOI ĐUÔI CHÓ

Hôm 15 tháng mười,
Giặc Nava gằm thét,
Hắn mở trận Muét,
Hòng đánh chiếm Nho Quan,
Phái 20 tiểu đoàn,
Hòng đánh chiếm Thanh Hóa.
Hắn tuyên truyền bậy bạ:
"Trận này cực kỳ to,
"Không có gì gay go,
"Ta quyết tranh chủ động,
"Quyết lấy về chủ động".
Nhưng
Quân dân ta anh dũng,
Đánh cho giặc phải tan,
Đuổi chúng khỏi Nho Quan,
Ngăn chúng vào Thanh Hóa.

20 ngày ròng rã,
Diệt chúng gần 4 ngàn,
Kế hoạch Nava tan,
Thành đầu voi đuôi chó.
Tuy vậy
Kẻ thù đang còn đó,
Chó dại sẽ cắn càn,
Chúng ta chớ chủ quan,
Chúng ta chớ khinh địch.
Giặc có thể đột kích,
Chúng ta phải đề phòng,
Quân dân đoàn kết một lòng
Kháng chiến thắng lợi, cờ hồng tung bay.

C. B.

Báo Nhân dân, số 136, từ ngày 16 đến ngày 20-11-1953.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm tranh miền Nam
tại CLB Thống Nhất (10-1968)

Ảnh: TTXVN

尋 友 未 遇

百 里 尋 君 未 遇 君
馬 歸 踏 碎 嶺 頭 雲
歸 來 偶 過 山 梅 樹
每 朵 黃 花 一 點 春

Phiên âm

TÀM HỮU VỊ NGỘ

Bách lý tầm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái lĩnh đầu vân.
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đoá hoàng hoa nhất điểm xuân.*

* Thực lục thập công lý.

Dịch nghĩa

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

Trăm dặm* tìm anh mà chẳng gặp anh,
Vó ngựa dầm vớ những áng mây trên đầu núi.
Trở về, tình cờ qua một cây mai rừng,
Mỗi đoá hoa vàng là một điểm xuân.

* Thực ra là sáu mươi kilômét.

Dịch thơ

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

**Trăm dặm tìm không gặp cố nhân,
Mây đèo dẫm vỡ ngựa chồn chân.
Đường về chợt gặp cây mai núi,
Mỗi đóa hoa vàng một nét xuân*.**

Viết bằng chữ Hán khoảng đầu năm 1954.

Sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 195 - 196.

* Phan Văn Các dịch.

QUÂN TA ĐOÀN KẾT Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ

20 tháng 11 năm cũ.

Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ.
Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất,
Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất.
Chúng khoe rằng: "Kế hoạch Nava
Thật là mạnh dạn và tài hoa.
Phen này Việt Minh phải biết tay,
Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay!"
Các báo phản động khắp thế giới
Inh ỏi tâng bốc Nava tới.

*

* *

Bên ta thì:

Bộ đội, dân công quyết một lòng,
Xẻ non, đắp suối, vượt qua sông,
Khắc phục khó khăn và hiểm trở;
Đánh cho giặc tan mới hả dạ;
Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày,
Không quản gian khổ và đắng cay;
Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ,
Đã hứa với Bác, Đảng, Chính phủ.

*

* *

13 tháng 3 ta tấn công,
Giặc còn ở trong giấc mơ nông:
"Mình có thầy Mỹ lo cung cấp;
Máy bay cao cao, xe tăng thấp,
Lại có Nava cùng Cônhi,
Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy.
Chúng mình chuyển này nhất định thắng,
Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng".

*

* *

Hơn 50 ngày, ta đánh đồn,
Ta chiếm một đồn lại một đồn,
Quân giặc chống cự tuy rất hăng,
Quân ta anh dũng ít ai bằng.
Nava, Cônhi đều méo mặt,
Quân giặc tan hoang ta vây chặt.
Giặc kéo từng loạt ra hàng ta.
Quân ta vui hát "khải hoàn ca".
Mười ba quan năm đều hàng nốt,
Tên tướng chỉ huy cũng bị nhốt.
Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây,
Đều là tù binh hoặc bỏ thây.

*
* *

Thế là quân ta đã toàn thắng
Toàn thắng là vì rất cố gắng.
Chiến sĩ viết thư dâng Cụ Hồ:
"Xin Bác vui lòng mà nhận cho
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác,
Chúng cháu cố gắng đã sắm được".

C. B.

Báo Nhân dân, số 184, từ ngày 12 đến ngày 15-5-1954.

NỮ ANH HÙNG NGUYỄN THỊ BƯỞI*

Người Long Động, tỉnh Quảng Yên;
Hai mươi bốn tuổi, tính hiền và ngoan,
Từ ngày giặc đánh vào làng,
Chị đánh du kích tỏ gan anh hùng.
Việc gì chị cũng xung phong,
Khiến cho đồng đội càng hăng thêm nhiều.
Chiến tranh càng khó bao nhiêu,
Tinh thần càng vững, càng nhiều chiến công.
Khi đánh giặc, khi giao thông,
Tuyên truyền, tổ chức, chị không ngại nề.
Một hôm, khai hội ra về,
Chẳng may địch bắt, không hề khai ra.
Chúng dùng đủ cách khảo tra,
Rồi cho lính hiếp suốt 3, 4 tuần.
Chém cha lũ giặc bất nhân,
Chúng toan bắn chị ở chân ngôi đình.

* Anh hùng liệt sĩ Mạc Thị Bưởi. Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, thôn Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách thuộc Quảng Yên (nay Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương).

Nghĩ rằng mình chết đã đành,
Còn tài liệu Đảng giấu quanh mái nhà?
Chị bèn một chước nghĩ ra:
Xin về lấy súng đảng mà báo tin.
Đến làng, gặp một người quen,
Thừa cơ chị đã đưa tin rõ ràng.
Rồi quay mặt lại đường hoàng,
Chửi vào mặt giặc, giặc càng căm gan.
Chúng liền đập chị ngã lăn,
Đưa dao khoét vú, đưa chân giẫm đầu.
Đưa thì tay đỡ chậu thau,
Đưa thì mổ chị từ đầu đến chân!
Chị luôn giữ vững tinh thần,
Hô to khẩu hiệu, chửi quân bạo tàn.
Vì lòng yêu nước nồng nàn,
Nêu gương oanh liệt muôn ngàn đời sau.

C. B.

Báo Nhân dân, số 415, ngày 21-4-1955.

"CHINH PHỤ NGÂM" MỚI

Thuở phe phái hục nhau túi bụi,
Đồng bào Nam nhiều nổi truân chuyên.
Vì Ngô Đình Diệm rồ điên,
Mỹ kia can thiệp, mà nên nỗi này.
Hàng nghìn dân chết lây vô tội,
Hàng muôn người hấp hối bị thương.
Mười muôn nhà cháy ngổn ngang,
Đầy trời khói lửa, đầy đàng tàn tro.
Thương hại cho đồng bào công giáo,
Bị Xa tăng lừa đảo di cư,
Nhà tan, cửa hết, xác xơ,
Gặp cơn loạn lạc, trông nhờ vào ai!

Trộm cướp lại thẳng tay giết hại,
Chúng nhắm vào các trại di cư,
Kêu trời, trời chỉ làm ngơ,
Đoái kêu làng xóm, bây giờ xa xăm!
Bi thảm thay, hàng trăm em nhỏ,
Bị bắn vào võ sọ, tan xương.
Nhiều em chết gục bên đường,
Nhiều em chết cháy, thảm thương xiết nào!
Căm thù này trả sao đây nhỉ?
Nhân dân ta nhất trí kết đoàn,
Đuổi quân can thiệp hung tàn,
Chúng ta *thống nhất* giang san nước nhà,
Nước nhà ta, ta làm người chủ,
Vận mệnh ta, ta giữ trong tay,
Nước non vẫn nước non này,
Cờ treo *độc lập*, nền xây *hòa bình*.

C. B.

Báo Nhân dân, số 429, ngày 6-5-1955.

詠 萬 里 長 城

聽 說 長 城 萬 里 長
頭 連 東 海 尾 西 疆
幾 千 百 萬 勞 動 者
建 築 斯 城 鎮 一 方

Phiên âm

THƠ VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH*

*Thính thuyết trường thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải vĩ Tây Cương.
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương!*

Tạm dịch là:

**Thấy nói trường thành dài vạn dặm,
Đầu từ Đông Hải cuối Tây Cương.
Hàng ngàn trăm vạn người lao động,
Xây đắp ngôi thành trấn một phương!**

Sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1956, t. III, tr. 168.

* Nhân dịp sang thăm Trung Quốc, ngày 6-7-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đoàn đại biểu Chính phủ ta dừng lại xem Vạn lý trường thành ở phía đông bắc thủ đô Bắc Kinh, Người có làm bài thơ ghi cảm tưởng như trên.

KIỀU BÀO YÊU NƯỚC

Kiều bào ta ở trọ các nước tư bản, thường bị uy hiếp hoặc lợi dụng. Nhưng tối đại đa số kiều bào là những người yêu nước, kiên quyết và bền bỉ đấu tranh cho Tổ quốc.

Vừa rồi, gần 2. 000 kiều bào ở Pháp, đủ các tầng lớp, trai có gái có, già có trẻ có, đã ký tên đòi đương cục miền Nam hiệp thương với Chính phủ ta, và đòi Chính phủ Pháp phải làm đúng Hiệp định Giơnevơ. Vậy có thơ rằng:

Gửi thân đất khách quê người,
Nhìn về cố quốc cách với trùng dương
Càng nhìn càng nhớ, càng thương,
Càng mong Tổ quốc thịnh cường vẻ vang,
Càng căm những kẻ gian ngoan
Nghe lời bọn Mỹ phá ngang hòa bình.
Mọi người đoàn kết đấu tranh,
Đòi Ngô Đình Diệm tán thành hiệp thương.
Hòa bình, thống nhất, độc lập, tự cường,
Sao vàng cờ đỏ dẫn đường chúng ta.
Mấy câu thuận miệng nô nôm na:
"Một lòng yêu nước bài ca kiều bào".

C. B.

Báo Nhân dân, số 530, ngày 15-8-1955.

桂 林 風 景

桂 林 風 景 甲 天 下
如 詩 中 畫 畫 中 詩
山 中 樵 父 唱
江 山 客 船 歸
奇

胡 志 明 一 九
六 一 年 五 月

Phiên âm

QUẾ LÂM PHONG CẢNH⁵

*Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
Như thi trung họa họa trung thi.
Sơn trung tiêu phu xướng,
Giang thượng khách thuyền quy.
Kỳ!*

Nhất cửu lục nhất niên ngũ nguyệt

Dịch nghĩa

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Phong cảnh Quế Lâm đẹp bậc nhất trong thiên hạ,
Khác nào tranh vẽ trong thơ, thơ trong tranh vẽ.
Trên núi, những người hái củi ca hát.
Dưới sông, thuyền khách trở về...
Thật kỳ lạ.

Ngày 12 tháng 5 năm 1961

Dịch thơ

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Quế Lâm phong cảnh tuyệt vời,
Thơ đan trong họa, họa cài trong thơ.
Tiêu phu trên núi hát ca,
Dưới sông thuyền khách vào ra:
Diệu kỳ!*

Ngày 12 tháng 5 năm 1961

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3. tr. 201-202.

* Phan Văn Các dịch.

詠太湖

西湖不比太湖美
太湖更比西湖寬
漁舟來去朝陽暖
桑稻滿田花滿山

Phiên âm

VỊNH THÁI HỒ⁶

*Tây Hồ⁷ bất tỷ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỷ Tây Hồ khoan.
Ngư chu lai khứ triêu dương noãn,
Tang đạo mãn điền, hoa mãn san.*

Dịch nghĩa

VỊNH THÁI HỒ

Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ lại rộng hơn Tây Hồ.
Thuyền đánh cá đi lại trong nắng sớm ấm áp,
Ruộng thì đầy dâu, lúa, núi thì đầy hoa.

Dịch thơ

VỊNH THÁI HỒ

**Tây Hồ khôn sánh Thái Hồ đẹp,
Thái Hồ rộng vượt Tây Hồ xa.
Thuyền cá đi về trong nắng sớm,
Ruộng đầy dâu lúa, núi đầy hoa*.**

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3. tr. 203-204.

* Khương Hữu Dụng dịch.

THƠ TẶNG 11 CÔ GÁI SÔNG HƯƠNG*

Dũng dạc tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dần trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương.

Theo bài in trong sách *Quân khu IV:
Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
(1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr240.

* Tháng 2-1968, được tin 11 nữ dân quân tự vệ Thành phố Huế đã lập nhiều thành tích trong chiến đấu giải phóng thành phố, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen tặng bốn câu thơ trên.

“ 二 勿 ”

原注：大夫同志們勸喻二勿：勿吸煙，勿吃酒。自己題詩為證。

無煙無酒過新春
易使詩人化俗人
夢里吸煙吃美酒
醒來更奮振精神

Phiên âm

NHỊ VẬT

*(Nguyên chú: Đại phu đồng chí môn khuyến dụ "nhị vật":
vật hấp yên, vật ngật tửu. Tự kỷ đề thi vị chứng)*

*Vô yên, vô tửu quá tân xuân,
Dị sử thi nhân hóa tục nhân.
Mộng lý hấp yên, ngật mỹ tửu,
Tĩnh lai cánh phấn chấn tinh thần.*

Dịch nghĩa

HAI CHỜ

(Lời dẫn: Các đồng chí bác sĩ khuyên "hai chờ": chờ hút thuốc lá, chờ uống rượu. Tự mình đề thơ làm chứng)

Đón mừng xuân mới mà không có thuốc lá, không có rượu,
Rất dễ khiến cho nhà thơ hóa ra người phàm tục.
Trong giấc mộng thấy mình được hút thuốc lá và uống rượu ngon.
Lúc tỉnh ra thấy tinh thần thêm phần chán.

Dịch thơ

HAI CHỚ

**Thuốc không, rượu chẳng có mừng xuân,
Dễ khiến thi nhân hóa tục nhân.
Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt,
Tỉnh ra thêm phần chán tinh thần*.**

Tháng 2-1968

Viết bằng chữ Hán
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr81-82.

* Phan Văn Các dịch.

無題

三年不吃酒吹煙
人生無病是真仙
喜見南方連大勝
一年四季都春天

Phiên âm

VÔ ĐỀ

*Tam niên bất ngật tửu xuy yên,
Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên.
Hỷ kiến Nam phương liên đại thắng,
Nhất niên tứ quý đồ xuân thiên.*

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

Đã ba năm rồi không uống rượu, không hút thuốc lá,
Ở đời không ốm đau chính là tiên thật sự!
Mừng thấy miền Nam thắng lớn liên tiếp,
Một năm cả bốn mùa đều là Xuân.

Dịch thơ

KHÔNG ĐỀ

Thuốc kiêng, rượu cũ đã ba năm,
Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần.
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn,
Một năm là cả bốn mùa Xuân*.

Tháng 3-1968

Viết bằng chữ Hán,
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr79-80.

* Khương Hữu Dụng dịch.

LỜI TẶNG NGÀNH XE QUÂN SỰ**

Yêu xe như con
Quý xăng như máu
Vượt mọi khó khăn
Hoàn thành nhiệm vụ.

BÁC HỒ

Tạp chí *Hậu cần*, tháng 9-1969, tr. 37.

* Ngày 5-8-1968, ngành Hậu cần quân đội tổ chức Hội nghị lái xe giỏi và thợ sửa chữa xe giỏi toàn quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề những dòng trên đây trên cờ tặng ngành xe quân sự.

Phần III
THƠ CHÚC TẾT

CHÚC NĂM MỚI

Tháng ngày thắm thoát chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới:
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi;
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới!
Năm nay là năm rất vẻ vang,
Cách mệnh thành công khắp thế giới.

*Báo Việt Nam độc lập,
số 114, ngày 1-1-1942.*

MỪNG BÁO QUỐC GIA*

Tết này mới thật Tết dân ta,
Mấy chữ chào mừng báo *Quốc gia*.
Độc lập đầy vui ba cốc rượu,
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.
Muôn nhà chào đón xuân dân chủ,
Cả nước vui chung phúc cộng hòa.
Ta chúc nhau rồi ta nhớ chúc,
Những người chiến sĩ ở phương xa.

Hà Nội – Tết Độc lập Bính Tuất, 1946
HỒ CHÍ MINH

Báo *Nhân dân*, số 9459,
Ngày 7-5-1980.

* Nhân dịp Tết Độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa báo Quốc gia - cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước xuất bản tại Hà Nội có đến xin thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã tặng báo bài thơ này.

THƯ GỬI PHỤ NỮ VIỆT NAM NHÂN DỊP XUÂN BÌNH TUẤT (1946)

Năm mới Bình Tuất
Phụ nữ đồng bào
Phải gắng làm sao
Gây “Đời sống mới”
Việc thành là bởi
Chúng ta siêng mần
Vậy nên chữ cần
Ta thực hành trước
Lại phải kiệm ước
Bỏ thói xa hoa
Tiền của dư ra
Đem làm việc nghĩa

Thấy của bất nghĩa
Ta chớ tham thàn*
Thế tức là liêm
Đã liêm thì khiết
Giữ mình làm việc
Quảng đại công bình
Vì nước quên mình
Thế tức là chính
Cần, kiệm, liêm, chính
Giữ được vẹn mười
Tức là những người
Sống “Đời sống mới”.

HỒ CHÍ MINH

Báo *Tiếng gọi phụ nữ*,
số Xuân Bính Tuất, năm 1946.

* Chúng tôi đã tra cứu nhiều bộ sách khác nhau, và quyết định để nguyên theo bộ sách Hồ Chí Minh toàn tập - Nxb Chính trị Quốc gia, 2009.

CHÚC NĂM MỚI

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

Năm Đinh Hợi (1947)

HỒ CHÍ MINH

Theo bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, t. 1, tr. 129.

THƠ CHÚC TẾT MẬU TÝ

Năm Hợi đã đi qua,
Năm Tý vừa bước tới.
Gửi lời chúc đồng bào,
Kháng chiến được thắng lợi;
Toàn dân đại đoàn kết,
Cả nước dốc một lòng;
Thống nhất chắc chắn được,
Độc lập quyết thành công.

Xuân Mậu Tý, 1948

HỒ CHÍ MINH

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 56.

THƠ CHÚC TẾT

Kháng chiến lại thêm một năm mới,
Thi đua ái quốc thêm tiến tới.
Động viên lực lượng và tinh thần.
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.
Người người thi đua.
Ngành ngành thi đua.
Ngày ngày thi đua.
Ta nhất định thắng.
Địch nhất định thua.

Xuân Kỷ Sửu - 1949

HỒ CHÍ MINH

Báo *Sự thật*, số 106-107, Xuân Kỷ Sửu.

THƠ CHÚC NĂM MỚI

Kính chúc đồng bào năm mới,
Mọi người càng thêm phần khởi,
Toàn dân xung phong thi đua,
Đẩy mạnh cuộc chuẩn bị tới,
Chuyển mau sang tổng phản công,
Kháng chiến nhất định thắng lợi.

HỒ CHÍ MINH
Báo *Sự thật*, số 128, ngày 19-2-1950.

THƠ CHÚC TẾT

Xuân này kháng chiến đã năm xuân,
Nhiều xuân thắng lợi càng gần thành công.
Toàn dân hăng hái một lòng
Thi đua chuẩn bị, tổng phản công kịp thời.

Xuân Tân Mão (1951)

HỒ CHÍ MINH

Báo Cứu quốc, số 1748, ngày 5-2-1951

THƠ CHÚC TẾT

Xuân này, Xuân năm Thìn
Kháng chiến vừa 6 năm
Trường kỳ và gian khổ
Chắc thắng trăm phần trăm.

Chiến sĩ thi giết giặc
Đồng bào thi tặng gia
Năm mới thi đua mới
Thắng lợi ắt về ta.

Mấy câu thành thật nôm na
Vừa là kêu gọi vừa là mừng Xuân.

Xuân Nhâm Thìn 1952

Hồ Chí Minh

Báo Nhân dân, số 42, ngày 24-1-1952

THƠ CHÚC TẾT XUÂN QUÝ TỶ, 1953

Mừng năm Thìn vừa qua,
Mừng xuân Tỵ đã tới.
Mừng phát động nông dân,
Mừng hậu phương phấn khởi.
Mừng tiền tuyến toàn quân
Thi đua chiến thắng mới.
Mừng toàn dân kết đoàn,
Mừng kháng chiến thắng lợi.
Mừng năm mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, thành công mới.
Mừng toàn thể chiến sĩ và đồng bào,
Mừng phe dân chủ hòa bình thế giới.

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 95, từ ngày 11 đến ngày 15-2-1953

THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thân ái mấy lời chúc Tết:
Toàn dân đoàn kết một lòng,
Miền Bắc thi đua xây dựng,
Miền Nam giữ vững thành đồng,
Quyết chí, bền gan phấn đấu,
Hòa bình, thống nhất thành công.

Ngày 1 tháng 1 năm 1956

HỒ CHÍ MINH.

Báo Nhân dân, số 670, ngày 2-1-1956.

THƠ MỪNG NĂM MỚI

Mừng Nhà nước ta 15 Xuân xanh!
Mừng Đảng chúng ta 30 tuổi trẻ!
Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua,
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền mạnh mẽ.
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên,
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ!

Xuân năm 1960
Hồ Chí Minh
Báo Nhân dân, số 2116, ngày 1-1-1960.

THƠ MỪNG NĂM MỚI

Năm Dân, mừng xuân thế giới,
Cả năm châu phấp phới cờ hồng.
Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi,
Bốn mùa hoa Duyên Hải, Đại Phong.
Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng biển Đông.
Chủ nghĩa xã hội càng thắng lợi,
Hòa bình thống nhất quyết thành công.

Xuân Nhâm Dần 1962

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 2876, ngày 5-2-1962.

MỪNG TUỔI CÁC CỤ PHỤ LÃO*

*Tuổi già nhưng chí không già,
Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh.*

Báo Nhân dân, số 2878,
ngày 8-2-1962.

* Chiều mùng một Tết Nhâm Dần (5-2-1962), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm phòng trưng bày văn học và dự cuộc ngâm thơ mừng xuân của các cụ phụ lão và văn nghệ sĩ tại Văn Miếu (Hà Nội). Người đã đọc hai câu thơ trên mừng tuổi các cụ.

THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,
Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Plâyme, Đà Nẵng...
Mừng miền Bắc chiến đấu anh hùng,
Giặc Mỹ leo thang ngày càng thua nặng.
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng,
Tiền tuyến hậu phương, toàn dân cố gắng.
Thi đua sản xuất chiến đấu xung phong,
Chống Mỹ, cứu nước, ta nhất định thắng.

Xuân 1966

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4289, ngày 1-1-1966.

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thân ái gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

- Năm ngoái toàn dân ta đã đoàn kết chặt chẽ, ra sức chiến đấu, sản xuất và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

- Chỉ tính đến tháng 11-1966, quân và dân miền Nam anh hùng đã loại khỏi vòng chiến đấu 34 vạn tên địch, trong đó tiêu diệt hơn 23 vạn tên, hơn 10 vạn tên là xâm lược Mỹ, bắn rơi và phá hủy hơn 1.900 chiếc máy bay địch, v. v..

- Quân và dân miền Bắc dũng cảm đã bắn tan xác hơn 1.600 máy bay giặc Mỹ.

- Những thắng lợi của chúng ta là do nhân dân ta tự lực cánh sinh là chính nhưng cũng không tách rời sự giúp đỡ chí tình của các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ nhiệt liệt của các nước bầu bạn và của nhân dân tiến bộ khắp thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Tôi xin thay mặt đồng bào và chiến sĩ ta gửi lời chúc năm mới đến anh em và bầu bạn ta khắp năm châu.

- Đối với đồng bào và chiến sĩ cả nước ta quyết đánh quyết thắng, càng đánh càng thắng, Bác có bài ca chúc năm mới như sau:

Xuân về xin có một bài ca,

Gửi chúc đồng bào cả nước ta

Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,

Tin mừng thắng trận nở như hoa!

Xuân 1967

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4651, ngày 1-1-1967.

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đưa hàng chục vạn quân trực tiếp xâm lược miền Nam nước ta và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta, nhân dân ta đoàn kết một lòng, kiên quyết đánh Mỹ, cứu nước, đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Đến cuối năm 1967, quân và dân miền Nam anh hùng đã diệt, làm bị thương và làm tan rã hàng chục vạn quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu.

Quân và dân miền Bắc anh hùng đã bắn tan xác hơn 2.680 máy bay giặc Mỹ.

Sang năm nay, bọn Mỹ xâm lược càng bị động càng lúng túng, quân và dân ta thừa thắng xông lên, nhất định giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.

Nhân dịp năm mới, tôi thay mặt đồng bào chiến sĩ ta, gửi lời chúc mừng đến các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đã nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Tôi chúc kiều bào ta ở nước ngoài, năm mới cố gắng mới, tiến bộ mới!

Với đồng bào và chiến sĩ cả nước ta, tôi chúc mừng năm mới như sau:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!*

Báo Nhân dân, số 5013, ngày 1-1-1968.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm tranh tại
Bảo tàng Mỹ thuật (25/12/1968)

Ảnh: Vũ Đình Hồng - Bảo tàng Hồ Chí Minh

戊申春節

四 月 百 花 開 滿 園
紅 紅 紫 紫 互 爭 妍
百 鳥 捉 魚 湖 里 去
黃 鶯 飛 上 天
天 上 閑 雲 來 又 去
忙 把 南 方 捷 報 傳

Phiên âm

MẬU THÂN XUÂN TIẾT

*Tứ nguyệt bách hoa khai mãn viên
Hồng hồng tử tử hồ tranh nghiên.
Bách điểu tróc ngư hồ lý khứ,
Hoàng oanh phi thượng thiên.
Thiên thượng nhàn vân lai hựu khứ,
Mang bả Nam phương tiệp báo truyền.*

Dịch nghĩa

TẾT MẬU THÂN

Tiết tháng tư trăm loài hoa nở đầy vườn,
Đỏ đỏ, tía tía, hoa đua nhau phô vẻ tươi.
Có con chim trắng sà xuống hồ để bắt cá,
Chim hoàng oanh thì lại bay thẳng lên trời.
Trên trời, những áng mây thong thả bay đến rồi bay đi,
Lòng rộn lên tin thắng trận ở miền Nam báo về.

Dịch thơ

TẾT MẬU THÂN

Tháng tư hoa nở một vườn đầy,
Tía tía hồng hồng đua sắc tươi.
Chim trắng xuống hồ tìm bắt cá,
Hoàng oanh vút tận trời.
Trên trời mây đến rồi đi,
Miền Nam thắng trận báo về tin vui*.

Ngày 14-4-1968

Viết bằng chữ Hán
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr83-84.

* Phan Văn Các dịch.

ĐIỆN CHÚC TẾT CÁC ĐỒNG CHÍ CÁN BỘ ĐANG CÔNG TÁC TẠI PARI

*Xuân Gà tức tác đến nơi,
Gửi người thân thiết mấy lời mừng xuân.
Gà Xuân tức tác rạng đông,
Đưa tin thắng lợi cờ hồng bay cao.*

Xuân Kỷ Dậu
BÁC HỒ
Báo Nhân dân, số 5426, ngày 20-2-1969

CHÚ THÍCH

1. *Nhật ký trong tù*: Tháng 8-1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng sang Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Sau khi đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc), Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam. Trong hơn một năm trời, Người lần lượt bị giam trong khoảng 30 nhà tù của 13 huyện ở tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này, Người đã ghi *Nhật ký trong tù*, bằng chữ Hán.

Tập *Nhật ký* gồm 134 bài, được ghi vào một cuốn sổ tay, bìa màu xanh, trang đầu có vẽ hình hai cánh tay bị xích kèm theo bốn câu thơ:

*"Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao".*

Nhật ký trong tù lên án chế độ nhà tù hà khắc của chính quyền Tưởng Giới Thạch và thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một tác phẩm văn học lớn của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại.

2. *Làng Pác Bó* thuộc xã Trường Hà, huyện Quảng Hà, tỉnh Cao Bằng. Đây là nơi có nhiều di tích lịch sử quan trọng của cách mạng nước ta; đặc biệt là hang Cốc Bó - nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu Người từ nước ngoài trở về lãnh đạo cách mạng.

3. *Báo Việt Nam độc lập*: Cơ quan tuyên truyền của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Mục đích của tờ báo là "cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do" (*Việt Nam độc lập*, số 101 (tức số 1). Ngày 1-8-1941). Các bài đăng trên báo *Việt Nam độc lập* luôn luôn chứa mũi nhọn vào kẻ thù chính của dân tộc là phát xít Nhật - Pháp và bọn tay sai, tố cáo những tội ác dã man của địch, kịp thời vạch trần những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của chúng trên mọi lĩnh vực. Tờ báo đã cổ động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các Hội Cứu quốc như Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... Báo cũng thường xuyên có các bài phân tích sâu sắc, nhạy bén về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu đúng tình hình và hành động đúng với chủ trương của Đảng.

Trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho báo *Việt Nam độc lập* sự chỉ đạo trực tiếp và Người còn tham gia duyệt bài, viết bài, có khi cả việc trình bày, minh họa và in báo. Nhiều thơ ca của Người, lần đầu tiên in trên báo này và thường không ký tên. Báo *Việt Nam độc lập* dưới sự trực tiếp chỉ đạo và tham gia của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ số 1, ngày 1 - 8 - 1941 đến tháng 8 - 1942, Người ra nước ngoài công tác là trên 30 số, 400 bản, mỗi tháng ra 3 số, mỗi số trên 2 trang, khổ nhỏ, in đá. Báo *Việt Nam độc lập* số 1 đánh số 101 và tiếp theo 102,

103 với ý nghĩa kế tục lịch sử của những tờ báo cách mạng ra đời từ trước đó.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra nước ngoài công tác, đồng chí Phạm Văn Đồng được phân công trực tiếp chỉ đạo tờ báo đến tháng 4 - 1945.

Lúc đầu *Việt Nam độc lập* là của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Sau này căn cứ địa cách mạng mở rộng ra hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn, báo *Việt Nam độc lập* trở thành cơ quan của liên tỉnh bộ Việt Minh - Cao Bằng - Bắc Kạn, từ số 229 đến số 286 (tức là số 129 đến 186), rồi liên tỉnh bộ Việt Minh ba tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn, từ số 287 đến số 325 (tức là số 187 đến số 225). Sau Cách mạng Tháng Tám, báo *Việt Nam Độc lập* tiếp tục xuất bản ở Cao - Bắc - Lạng, rồi Cao Bằng.

4. *Mặt trận Việt Minh* (hoặc Việt Minh): Là tên gọi của Hội Việt Nam độc lập đồng minh, được thành lập tại Pắc Bó, ngày 19-5-1941 theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đó, và theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941), nhằm mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp và phát xít Nhật. Hội gồm các thành viên là Đảng Cộng sản Đông Dương và các Hội Cứu quốc như Hội Công nhân Cứu quốc, Hội Nông dân Cứu quốc, Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Quân nhân Cứu quốc, Hội Phụ lão Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Nhi đồng Cứu quốc, vv... Đây là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thành một lực lượng hùng mạnh để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, theo chủ trương của Đảng nhằm mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất để kháng chiến và kiến quốc, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời (gọi tắt là Liên Việt). Việt Minh đã gia nhập Liên Việt cùng nhau vận động nhân dân tham gia cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Ngày 5-3-1951, tại Đại hội Mặt trận thống nhất dân tộc toàn quốc, đã thống nhất hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên - Việt. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 9-1955, Mặt trận Liên - Việt được tổ chức lại thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. *Quê Lâm phong cảnh*: Là bài thơ vịnh cảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1961. Ngày 16-5 năm đó Người đi máy bay từ Hà Nội đến Quê Lâm. Quê Lâm là nơi sơn kỳ thủy tú, phong cảnh hữu tình nổi tiếng ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), từng có câu cổ ngữ "Quê Lâm phong cảnh giáp thiên hạ", nghĩa là phong cảnh Quê Lâm đứng bậc nhất thế giới. Đây là nơi Người từng hoạt động trong thời kỳ kháng Nhật. Trên máy bay Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại với đại sứ Trung Quốc Hà Vĩ cùng đi, về tình hình sinh hoạt của Người hồi 1940 ở Biện sự xứ của Bát lộ quân ở Quê Lâm. Người xúc động nói: "Thế mà đã hơn hai mươi năm rồi. Quê Lâm hẳn đã thay đổi tươi đẹp hơn trước nhiều".

Người đề bài thơ Quê Lâm này bằng bút lông trên giấy Tuyên chỉ, ký tên và ghi ngày tháng (16-5-1961) rồi đưa tặng Dung Hồ phạn điểm (Khách sạn Hồ cây đa) là nơi Người nghỉ lại.

Đầu đề là của chúng tôi (Ban biên soạn Hồ Chí Minh toàn tập) lấy bốn chữ đầu.

6. *Thái Hồ*: Hồ nước lớn thuộc địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang của Trung Quốc, còn có các tên gọi khác là Chấn Trạch, Cự Khu, Lạp Trạch, Ngũ Hồ, là ranh giới hai nước Ngô, Việt thời Xuân Thu. Diện tích mặt hồ rất rộng, có thuyết nói đến ba vạn sáu ngàn mẫu. Trong lòng hồ có hơn mười hòn đảo lớn nhỏ, nổi tiếng nhất là ba hòn: Động Đình Đông, Động Đình Tây và Mã Tích (dấu chân ngựa). Phong cảnh tươi đẹp, sơn kỳ thủy tú, tục gọi là "động thiên phúc địa". Nước hồ dâng lên về phía đông thành các con sông Lưu Hà, Hoàng Phố, Ngô Tùng đổ vào Trường Giang. Quanh các hồ đất đai màu mỡ, là khu vực giàu có của hai tỉnh Chiết Giang, Giang Tô. Ngày 17-5-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi thuyền du ngoạn cảnh hồ và viết bài thơ này.

7. *Tây Hồ*: Trung Quốc có nhiều hồ mang tên này, như Tây Hồ ở huyện Mâu Hầu, tỉnh Phúc Kiến, Tây Hồ ở huyện Thiên Môn, tỉnh Hồ Bắc, Tây Hồ ở huyện Huệ Dương, tỉnh Quảng Đông, Tây Hồ ở phía tây nam thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Tây Hồ tức Côn Minh Hồ ở phía tây Bắc Kinh... đều là những thắng cảnh. Tây Hồ nhắc đến hai lần trong bài này là thắng cảnh nổi tiếng nhất trong số đó, ở phía tây thành phố Hàm Châu tỉnh Triết Giang. Hồ này còn có nhiều tên khác: hồ Tiêu Đường, hồ Minh Thánh, hồ Kim Ngưu. Nhà thơ lớn Tô Thức có câu thơ "*Dục bả Tây Hồ tỷ Tây Tử*" (muốn ví Tây Hồ với nàng Tây Thi), nên cũng có tên gọi là Tây Tử Hồ. Ba phía có núi bao bọc, có hai đỉnh cao đối xứng sừng sững ở hai phương Bắc, Nam. Trong hồ có hai con đê, đê tên là đê Bạch, chia mặt nước hồ thành hồ Trong, hồ Ngoài và hồ Sau. Bốn mùa hoa thơm cỏ tươi, nổi tiếng về mười cảnh đẹp trong hồ (Tây Hồ thập cảnh).

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH	9
PHẦN I - NHẬT KÝ TRONG TÙ	
+ Bài 1	14
+ Bài 2: Khai quyền (Mở đầu tập nhật ký)	16
+ Bài 3: Tọa túc vịnh nhai bị khẩu lưu (Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh)	18
+ Bài 4: Nhập Tĩnh Tây huyện ngục (Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây)	21
+ Bài 5-6-7: Thế Lộ nan (Đường đời hiểm trở)	23
+ Bài 8 - 9: Tảo (Buổi sớm)	27
+ Bài 10: Ngọ (Buổi trưa)	31
+ Bài 11: Vấn thoại (Lời hỏi)	33
+ Bài 12: Ngọ hậu (Quá trưa)	39
+ Bài 13: Vãn (Chiều hôm)	42
+ Bài 14: Tù lương (Cơm tù)	44
+ Bài 15: Nạn hữu xuy địch (Người bạn tù thổi sáo)	46
+ Bài 16-17: Cước áp (Cái cùm)	48
+ Bài 18-19-20: Học dịch kỳ (Học đánh cờ)	52
+ Bài 21: Vọng nguyệt (Ngắm trăng)	56
+ Bài 22: Phân thủy (Chia nước)	58
+ Bài 23 -24: Trung thu	60
+ Bài 25: Đồ (Đánh bạc)	64
+ Bài 26: Đồ phạm (Tù cờ bạc)	66

+ Bài 27: Nạn hữu mặc mỗ (Bạn tù họ Mạc)	68
+ Bài 28: Nạn hữu nguyên Chủ nhiệm L. (Bạn tù L. nguyên là Chủ nhiệm)	71
+ Bài 29: Song thập nhật giải vãng Thiên Bảo (Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo)	73
+ Bài 30: Tẩu lộ (Đi đường)	75
+ Bài 31: Mộ (Chiều tối)	77
+ Bài 32: Dạ tức Long Tuyền (Đêm ngủ ở Long Tuyền)	79
+ Bài 33: Điền Đông	81
+ Bài 34: Sơn đáo Thiên Bảo ngục (Mới đến nhà lao Thiên Bảo)	83
+ Bài 35: Nạn hữu chi thê thám giam (Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng)	85
+ Bài 36: Các báo: Hoan nghênh Uy Ky đại hội (Các báo đăng tin: Hội họp lớn hoan nghênh Uy Ky)	89
+ Bài 37: Tự miễn (Tự khuyên mình)	93
+ Bài 38: Dã cảnh (Cảnh đồng nội)	95
+ Bài 39: Chúc than (Hàng cháo)	98
+ Bài 40: Quả Đức ngục (Nhà lao Quả Đức)	100
+ Bài 41: Long An Lưu Sở trưởng (Sở trưởng Long An họ Lưu)	102
+ Bài 42 - 43: Tảo giải (Giải đi sớm)	104
+ Bài 44: Đồng Chính	108
+ Bài 45: Nạn hữu đích chỉ bị (Chiếc chăn giấy của người bạn tù)	110
+ Bài 46: Dạ lãnh (Đêm lạnh)	115
+ Bài 47: Bang (Dây trời)	118
+ Bài 48: Lạc liễu nhất chích nha (Rụng mất một chiếc răng)	120
+ Bài 49: Long An – Đồng Chính	122
+ Bài 50: Nhai thượng (Trên đường phố)	124

+ Bài 51: Lộ thượng (Trên đường)	126
+ Bài 52: Trung binh gia quyến (Gia quyến người bị bắt lính)	128
+ Bài 53: Giải trào (Pha trò)	130
+ Bài 54: Vãng Nam Ninh (Đi Nam Ninh)	132
+ Bài 55 – 56: Cảnh binh đảm trư đồng hành (Cảnh binh khiêng lợn cùng đi)	134
+ Bài 57: Diệt lạc (Hạt chân ngã)	138
+ Bài 58: Bán lộ thấp thuyền phó Ung (Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh)	140
+ Bài 59: Nam Ninh ngục (Nhà ngục Nam Ninh)	142
+ Bài 60: Nạp muộn (Buồn bực)	144
+ Bài 61: Thính kê minh (Nghe gà gáy)	146
+ Bài 62: Nhất cá đồ phạm “nghạnh” liễu (Một người tù cờ bạc “chết cứng”)	148
+ Bài 63: Hựu nhất cá... (Lại một người nữa)	151
+ Bài 64: Cấm Yên (Cấm hút thuốc)	153
+ Bài 65: Dạ bán văn khốc phu (Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng)	155
+ Bài 66: Hoàng hôn	157
+ Bài 67: Công kim (Tiền công)	159
+ Bài 68: Thụy bất trước (Ngủ không được)	163
+ Bài 69: Ưc hữu (Nhớ bạn)	166
+ Bài 70: Thế nạn hữu mẫn tả báo cáo (Viết hộ báo cáo cho các bạn tù)	168
+ Bài 71: Lại sang (Ghê lở)	170
+ Bài 72: Văn thung mễ thanh (Nghe tiếng giã gạo)	172
+ Bài 73 – 74 - 75: Song thập nhất (Ngày 11 tháng 11)	174
+ Bài 76: Cảnh báo (Báo động)	179
+ Bài 77: Chiết tự	181
+ Bài 78: “Lữ quán” (“Quán trọ”)	183

+ Bài 79: Tảo tình (Nắng sớm)	185
+ Bài 80: “Việt hữu tao động” (“Việt Nam có bạo động”)	187
+ Bài 81: Anh phỏng Hoa đoàn (Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa)	189
+ Bài 82: Giải vãng Vũ Minh (Giải đi Vũ Minh)	191
+ Bài 83: Bào Hương cầu nhục (Thịt chó ở Bào Hương)	193
+ Bài 84: Trúc lộ phu (Phu làm đường)	195
+ Bài 85: Ngục đình thiết ngã chi sĩ đích (Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta)	197
+ Bài 86: Công lý bi (Cột cây số)	199
+ Bài 87: Tân Dương ngục trung hài 22-11 (Cháu bé trong ngục Tân Dương 22-11)	203
+ Bài 88 - 89: Ký ni lô (Gửi Nêru)	205
+ Bài 90: Đăng quang phí (Tiền đèn)	209
+ Bài 91: Ngục trung sinh hoạt (Sinh hoạt trong tù)	211
+ Bài 92: Quách tiên sinh (Tiên sinh họ Quách)	213
+ Bài 93: Mạc ban trưởng (Ban trưởng họ Mạc)	215
+ Bài 94: Thiên Giang ngục (Nhà lao Thiên Giang)	217
+ Bài 95: Thập hỏa xa vãng Lai Tân (Đáp xe lửa đi Lai Tân)	221
+ Bài 96: Tha tướng đào (Anh ấy muốn trốn)	223
+ Bài 97: Lai Tân	225
+ Bài 98: Đáo Liễu Châu (Đến Liễu Châu)	227
+ Bài 99: Cữu bất đệ giải (Giám lâu không được chuyển)	229
+ Bài 100: Dạ bán (Nửa đêm)	231
+ Bài 101: Liễu Châu ngục (Nhà ngục Liễu Châu)	233
+ Bài 102: Đáo trưởng quan bộ (Đến dinh trưởng quan)	234
+ Bài 103: Tứ cá nguyệt liễu (Bốn tháng rồi)	236
+ Bài 104: Bệnh trọng (Ôm nặng)	244

+ Bài 105: Đáo Quế Lâm (Đến Quế Lâm)	246
+ Bài 106: Nhập lung tiền (Tiền vào nhà giam)	249
+ Bài 107: ?!	251
+ Bài 108: ?	253
+ Bài 109: Đáo đệ tứ chiến khu chính trị bộ (Đến cục chính trị chiến khu IV)	255
+ Bài 110: Chính trị bộ cấm bế thất (Nhà giam của cục chính trị)	257
+ Bài 111: Mông ưu đãi (Được ưu đãi)	259
+ Bài 112: Triều cảnh (Cảnh buổi sớm)	261
+ Bài 113: Thanh Minh (Tiết Thanh Minh)	263
+ Bài 114: Vãn cảnh (Cảnh chiều hôm)	266
+ Bài 115: Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên (Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng)	268
+ Bài 116: Hạn chế (Bị hạn chế)	271
+ Bài 117: Dương Đào bệnh trọng (Dương Đào ốm nặng)	275
+ Bài 118: Bất miên dạ (Đêm không ngủ)	277
+ Bài 119: Cửu vũ (Mưa lâu)	279
+ Bài 120: Tích quang âm (Tiết ngày giờ)	281
+ Bài 121: Độc Tướng công huấn từ (Độc lời giáo huấn của ông Tướng)	283
+ Bài 122: Lương Hoa Thịnh tướng quân thắng nhậm phó tư lệnh (Tướng quân Lương Hoa Thịnh thắng chức phó tư lệnh)	285
+ Bài 123: Tặng tiểu Hầu (Hải) – (Tặng chú Hầu (Hải))	287
+ Bài 124 - 125: Thu cảm (Cảm thu)	289
+ Bài 126: Nhân đồ ngã (Nhân lúc đói bụng)	293
+ Bài 127: Trần khoa viên lai thám (Khoa viên họ Trần tới thăm)	295
+ Bài 128: Hầu Chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư (Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách)	297

+ Bài 129: Mông thượng lệnh chuẩn xuất lung hoạt động (Được lệnh trên cho đi lại ngoài buồng giam)	299
+ Bài 130: Thu dạ (Đêm thu)	301
+ Bài 131: Tình thiên (Trời hừng)	305
+ Bài 132: Khán “Thiên gia thi” hữu cảm (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”)	309
+ Bài 133: Tức cảnh	311
+ Bài 134: Kết luận	313
+ Bài 135: Mới ra tù tập leo núi	316

PHẦN II – NHỮNG BÀI THƠ KHÁC

- Quốc tế ca	321
- Pác Bó hùng vĩ	323
- Tức cảnh Pác Bó	324
- Khuyên đồng bào mua báo Việt Nam Độc lập	325
- Việt Nam độc lập	326
- Dân cày	327
- Phụ nữ	328
- Trẻ con	329
- Công nhân	330
- Mười chính sách của Việt Minh	333
- Ca binh lính	336
- Ca đội tự vệ	337
- Lịch sử nước ta	338
- Ca sợi chỉ	348
- Hòn đá	349
- Thương sơn (Lên núi)	351
- Con cáo và tổ ong	353
- Tặng thống chế Pêtanh	354
- Nhóm lửa	355
- Tặng toàn quyền Đờcu	357

- Chơi giăng	358
- Trẻ chăn trâu	360
- Bài ca du kích	362
- Tặng cháu Nông Thị Trung	364
- Cảm ơn người tặng cam	365
- Thơ tặng các cháu nhi đồng	366
- Thơ khen tặng hai em nhi đồng liên lạc trong bộ đội chiến khu II	367
- Thơ tặng ba cụ lão du kích ở Cao Bằng	368
- Cảnh rừng Việt Bắc	369
- Cảnh khuya	370
- Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)	371
- Tặng Võ Công	375
- Tặng Bùi Công (Tặng cụ Bùi)	378
- Thu dạ (Đêm thu)	383
- Báo Tiếp (Tin thắng trận)	386
- Không đề	389
- Đi thuyền trên sông Đáy	390
- Ly Bắc Kinh (Rời Bắc Kinh)	392
- Quá Hồ Bắc (Qua Hồ Bắc)	395
- Thập tam tảo, quá Trường Sa (Sớm mười ba, qua Trường Sa)	397
- Ngộ quá Thiên Giang (Buổi trưa qua Thiên Giang)	400
- Cận Long Châu (Đến gần Long Châu)	403
- Sáu mươi tuổi	406
- Khuyên thanh niên	407
- Vô đề (Không đề)	408
- Tư chiến sĩ (Nhớ chiến sĩ)	411

- Tặng cụ Đình Chương Dương	414
- Đối nguyệt (Đối trăng)	415
- Đăng sơn (Lên núi)	418
- Chết vì ốm đòn	421
- Mừng kênh Vĩnh Nga - Đông hoàn thành (27-7-1952)	423
- Thất cử (Bảy chín)	426
- Thơ Trung thu gửi các cháu nhi đồng	429
- Kế hoạch Nava đầu voi đuôi chó	431
- Tầm hữu vị ngộ (Tìm bạn không gặp)	435
- Quân ta đoàn kết ở Điện Biên Phủ	438
- Nữ anh hùng Nguyễn Thị Bưởi	443
- “Chinh Phụ Ngâm” mới	445
- Thơ vịnh Vạn Lý Trường Thành	448
- Kiêu bào yêu nước	449
- Quê Lâm phong cảnh (Phong cảnh Quê Lâm)	451
- Vịnh Thái Hồ	454
- Thơ tặng 11 cô gái sông Hương	457
- Nhị vật (Hai chớ)	459
- Vô đề (Không đề)	462
- Lời tặng ngành xe quân sự	464

PHẦN III - THƠ CHÚC TẾT

- Chúc năm mới	467
- Mừng báo Quốc gia	468
- Thư gửi phụ nữ Việt Nam nhân dịp xuân Bính Tuất	469
- Chúc năm mới	471
- Thơ chúc Tết Mậu Tý	472

- Thơ chúc Tết	473
- Thơ chúc năm mới	474
- Thơ chúc Tết	475
- Thơ chúc Tết	476
- Thơ chúc Tết xuân Quý Ty, 1953	477
- Thơ chúc mừng năm mới	478
- Thơ mừng năm mới	479
- Thơ mừng năm mới	480
- Mừng tuổi các cụ phụ lão	481
- Thơ chúc mừng năm mới	482
- Thư chúc mừng năm mới	483
- Thư chúc mừng năm mới	484
- Mậu Thân xuân tiết	487
- Điện chúc mừng các đồng chí cán bộ đang công tác tại Pari	490
CHÚ THÍCH	491

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 6

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM
(*Thơ*)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
TẠ DUY ANH
ĐÀO BÁ ĐOÀN

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
HẢI LY

In 8000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV
Quyết định xuất bản số: 638/QĐ-NXBHNV ngày 15-8-2012
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012